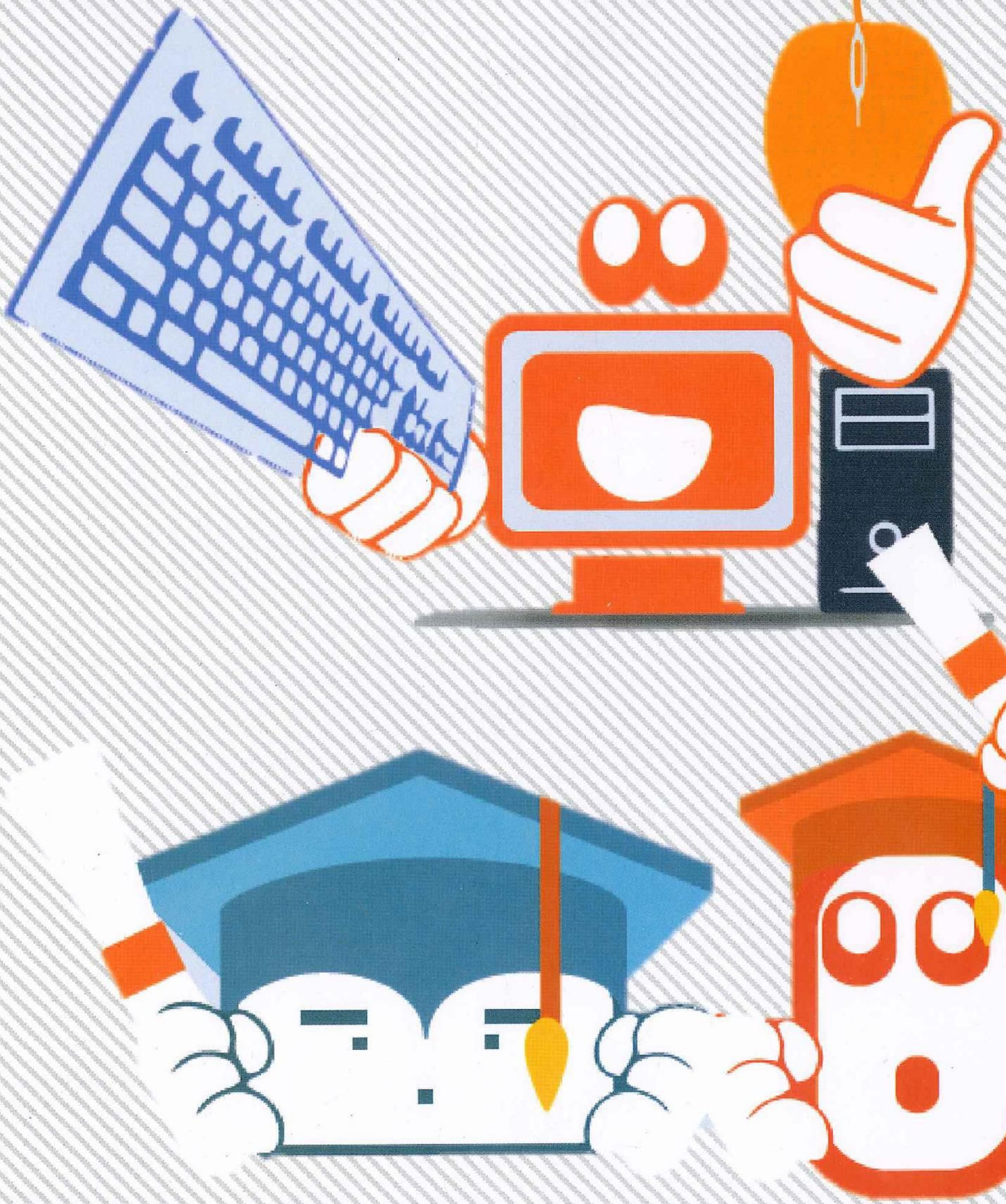
IC3 Spark

IIG VIET NAM

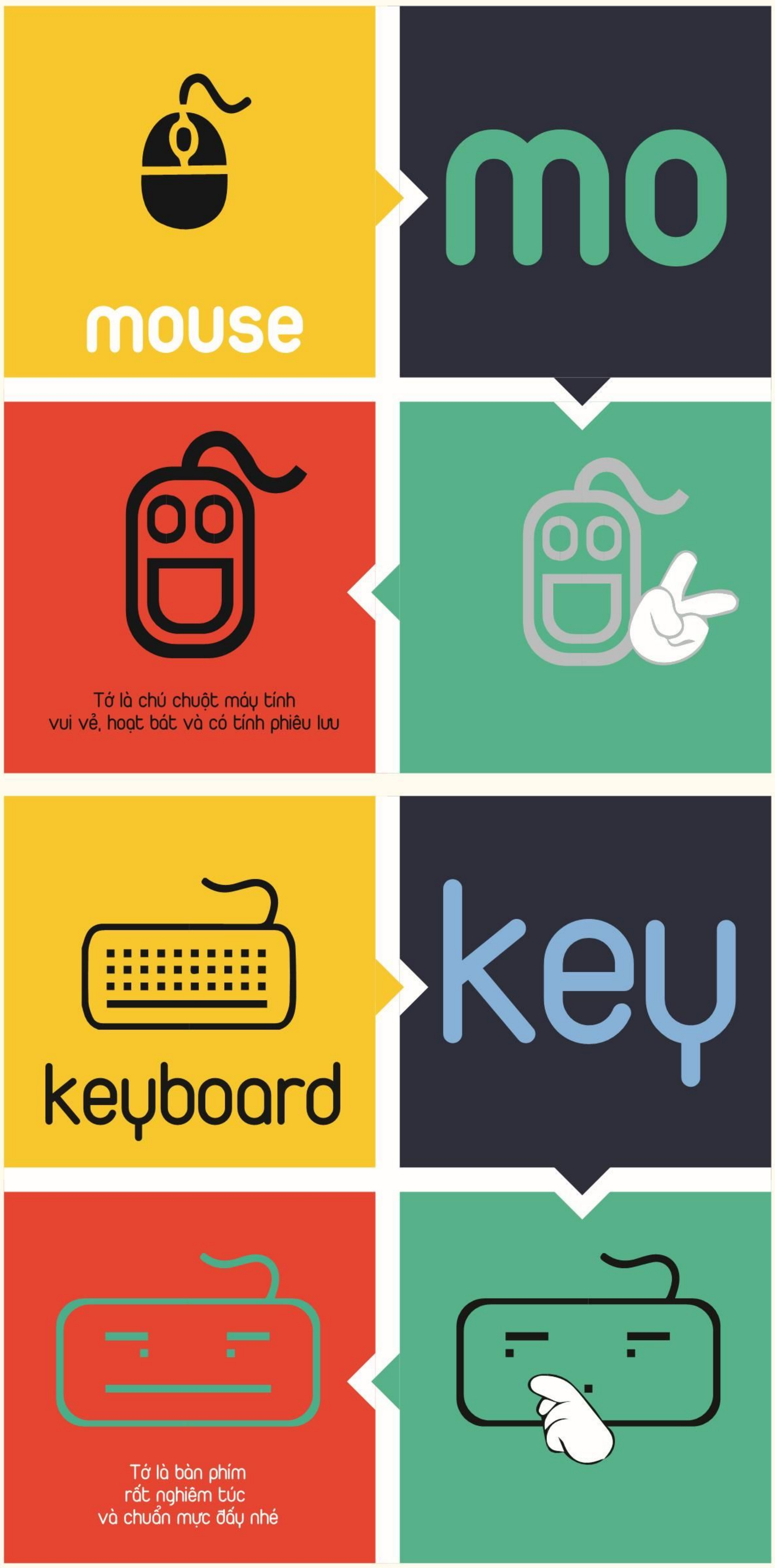


Máy tính thật đơn giản

Tập 1: Căn bản về Hệ điều hành

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

IC3 spark


mouse
mo
Tớ là chú chuột máy tính
vui vẻ, hoạt bát và có tính phiêu lưu
keyboard
key
Tớ là bàn phím
rất nghiêm túc
và chuẩn mực đấy nhé

Đôi nét về giáo trình IC3 Spark
(Internet and Computing Core Certification Spark)

Giáo trình này được IIG Việt Nam – Đại diện chính thức và duy nhất tại Việt Nam của Tập đoàn Certiport (Hoa Kỳ) thiết kế và xây dựng dành cho các giáo viên và học sinh tiểu học. Mục tiêu của giáo trình này là giúp các học sinh có đủ kiến thức và kỹ năng để chinh phục các bài thi lấy chứng chỉ IC3 Spark. Các giáo viên tiểu học có thể sử dụng bộ giáo trình này và các học liệu đi kèm để làm tư liệu giảng dạy hiệu quả.
Giáo trình IC3 Spark được chia làm ba phần:

1. Máy tính thật đơn giản
    a. Tập 1: Căn bản về hệ điều hành
    b. Tập 2: Phần cứng và phần mềm máy tính
2. Các ứng dụng chủ chốt
    a. Tập 1: Microsoft Office và Microsoft Word
    b. Tập 2: Microsoft Excel và Microsoft PowerPoint
3. Cuộc sống trực tuyến

Mỗi quyển giáo trình IC3 Spark được thiết kế đơn giản và đầy đủ nội dung, trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cần thiết để vượt qua các bài thi tương ứng.
Để lấy chứng chỉ IC3 Spark, học sinh cần hoàn thành cả 3 bài thi, bao gồm:

1. **Bài thi 1**: Căn bản về máy tính
2. **Bài thi 2**: Các ứng dụng chủ chốt
3. **Bài thi 3**: Cuộc sống trực tuyến

Chứng chỉ IC3 Spark do Tập đoàn Certiport (Hoa Kỳ) cấp và được công nhận trên toàn thế giới. Chứng chỉ này đánh giá kiến thức và kỹ năng sử dụng căn bản các thiết bị điện toán, các phần mềm ứng dụng văn phòng cũng như các thuật ngữ công nghệ thường gặp. Với các nội hàm mà IC3 Spark công nhận, chứng chỉ này là tiền đề vững chắc để học sinh tự tin bước vào cuộc sống số hiện đại.

IIG Việt Nam có mọi quyền và lợi ích hợp pháp đối với bộ sách này theo quy định của luật pháp Việt Nam và quốc tế. Trường hợp không có sự chấp thuận của IIG Việt Nam, không phần nào trong quyển sách này được phép sản xuất lại, truyền đi, lưu trữ trong hệ thống nhận dữ liệu, chỉnh sửa hoặc dịch ra thành bất kỳ ngôn ngữ nào hay ngôn ngữ máy, theo bất kỳ dạng nào hoặc theo bất kỳ ý nghĩa gì, ở dạng điện tử, cơ khí, từ tính, quang học, hóa học, thủ công hay những hình thức còn lại.

Các tên thương mại, tên nhãn hiệu, yếu tố bản quyền và các đối tượng quyền Sở hữu trí tuệ khác không thuộc sở hữu của IIG Việt Nam được đề cập trong bộ sách này chỉ sử dụng với mục đích minh họa và nhận dạng. IIG Việt Nam cam kết việc sử dụng này không gây ảnh hưởng tới uy tín, lợi ích cũng như quyền lợi của các chủ sở hữu của những đối tượng Sở hữu trí tuệ nêu trên.

Tác giả và IIG Việt Nam sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào về những vấn đề pháp lý, mất mát hay thiệt hại được gây ra hoặc bị cáo buộc gây ra một cách trực tiếp hay gián tiếp do thực hiện các câu lệnh trong giáo trình này hoặc bởi những sản phẩm phần mềm và phần cứng được mô tả trong đó.

MỤC LỤC

Chủ đề A. Căn bản về hệ điều hành 5

Bài 1. Hệ điều hành – bạn là ai và có chức năng gì? 7

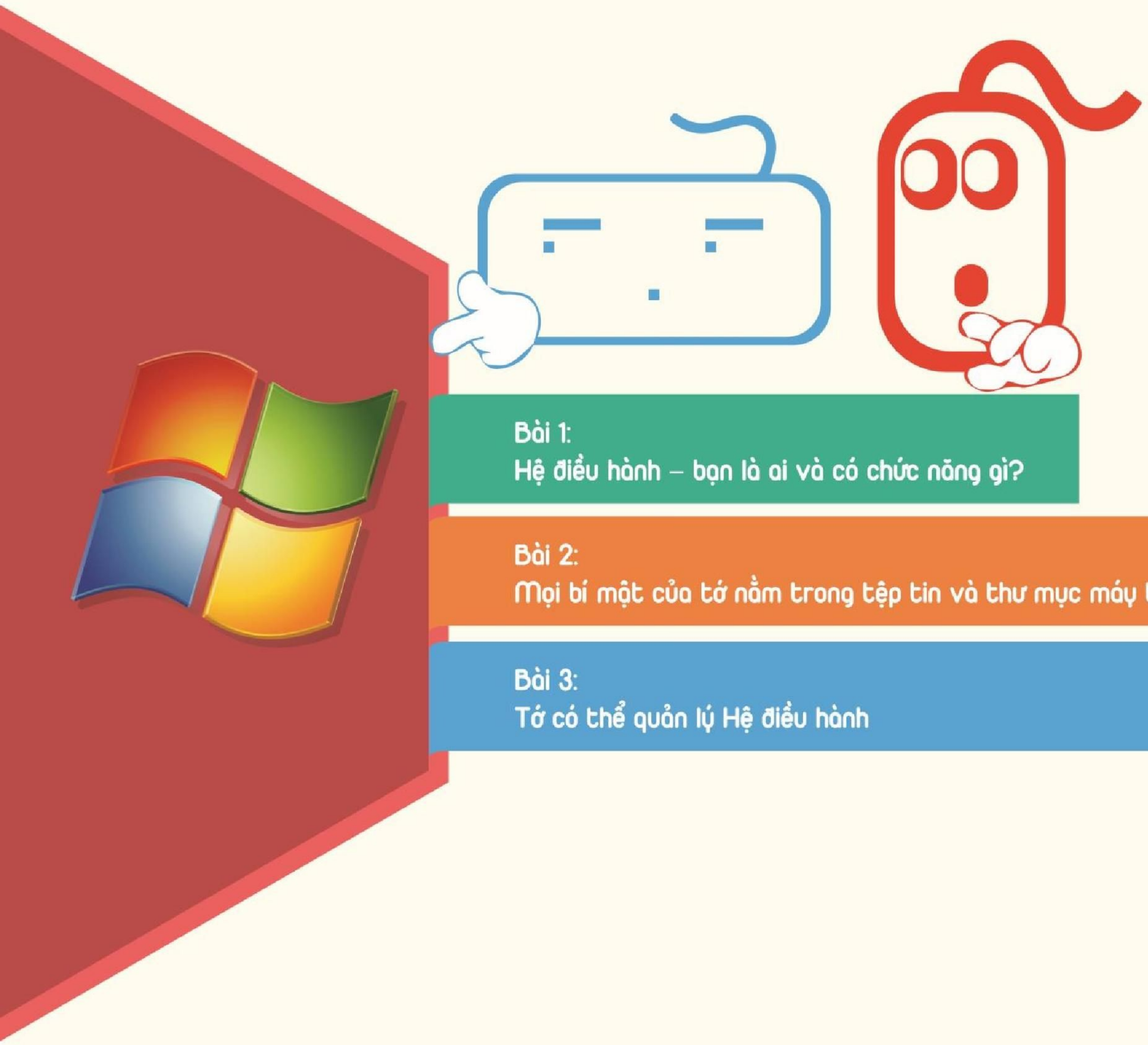
Bài 2. Mọi bí mật của tớ nằm trong tệp tin và thư mục máy tính 24

Bài 3. Tớ có thể quản lý Hệ điều hành 46

Luyện tập gõ bàn phím 60

CHỦ ĐỀ A

CĂN BẢN VỀ HỆ ĐIỀU HÀNH



Bài 1:
Hệ điều hành – bạn là ai và có chức năng gì?

Bài 2:
Mọi bí mật của tớ nằm trong tệp tin và thư mục máy tính

Bài 3:
Tớ có thể quản lý Hệ điều hành


Chào các
bạn, tớ là Hệ điều hành, các
bạn thường ngày sử dụng máy tính là
đang làm việc với tớ đấy nhé.
Windows 7

BÀI 1

Hệ điều hành – bạn là ai và có chức năng gì?



IC3 spark

MỤC TIÊU BÀI HỌC

Để sử dụng máy tính một cách hiệu quả, bạn cần hiểu rõ vai trò và chức năng của hệ điều hành. Sau khi hoàn thành bài học này, bạn sẽ có hiểu biết:

- **Hệ điều hành làm việc như thế nào?**
- Cách khởi động và thoát khỏi hệ điều hành Windows đúng cách.
- Mối quan hệ giữa phần cứng và phần mềm.

01 Hệ điều hành – bạn là ai?

Máy tính muốn hoạt động được thì cần có hệ điều hành.

Về cơ bản, máy tính là một tập hợp các thiết bị và thành phần kết nối với nhau để có thể :
-Truyền thông tin
-Thực hiện các yêu cầu của người sử dụng một cách chính xác và hiệu quả.



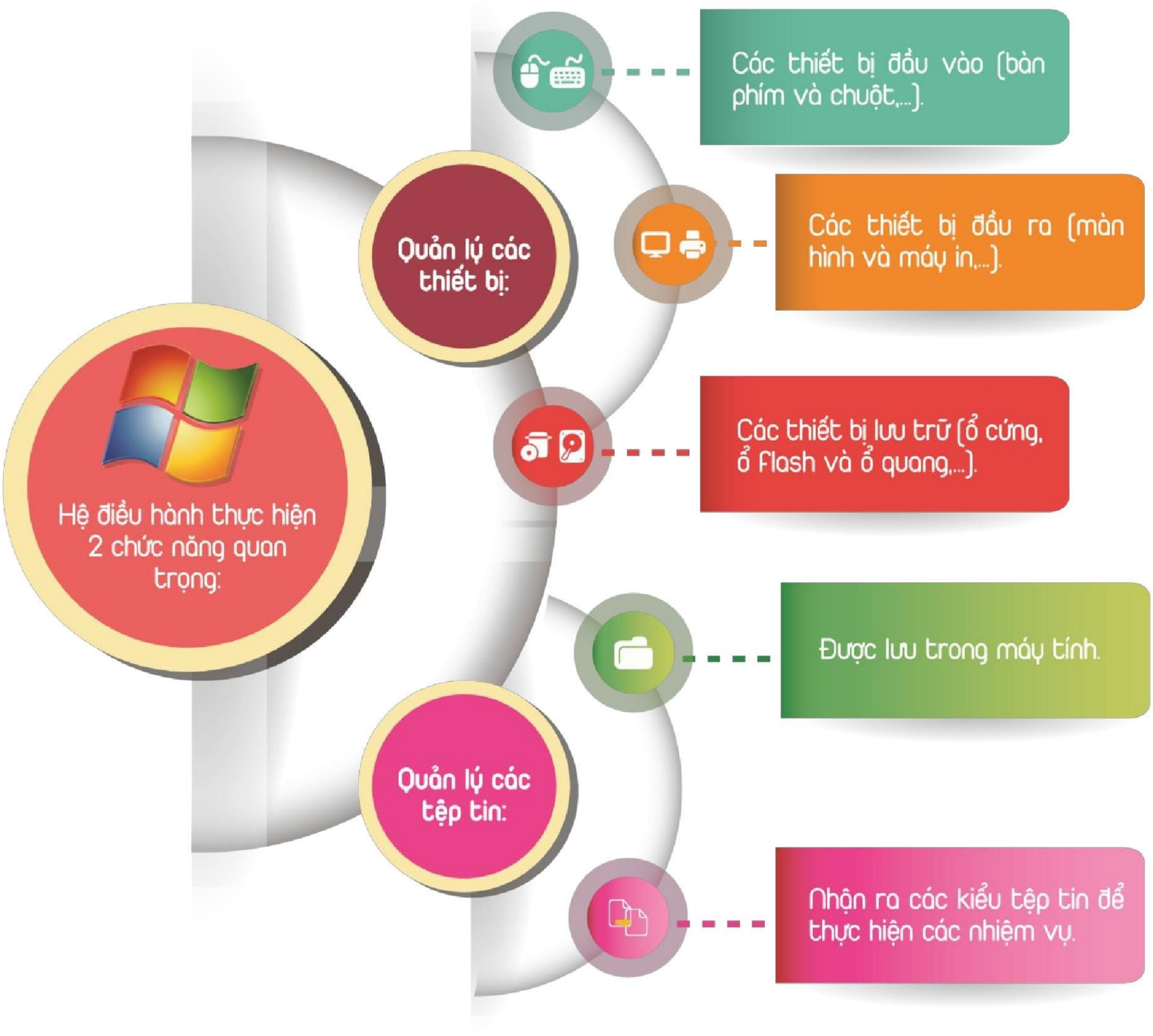
Máy tính phải tải hệ điều hành về bộ nhớ trước khi nó có thể tải bất kì chương trình ứng dụng nào. Máy tính chỉ tương tác được với bạn khi đã được cài hệ điều hành.
Trong bài học này, bạn sẽ được giới thiệu về hệ điều hành.







02 Hệ điều hành – bạn có chức năng gì ?



Nói một cách khác, bạn có thể hiểu Hệ điều hành không những **quản lý các thiết bị phần cứng** mà còn **kiểm soát sự liên lạc giữa các thiết bị phần cứng với nhau** cũng như **sự liên lạc giữa các thiết bị phần cứng với các chương trình ứng dụng**.

Vậy Hệ điều hành và chương trình ứng dụng có giống nhau không? Này nhé:

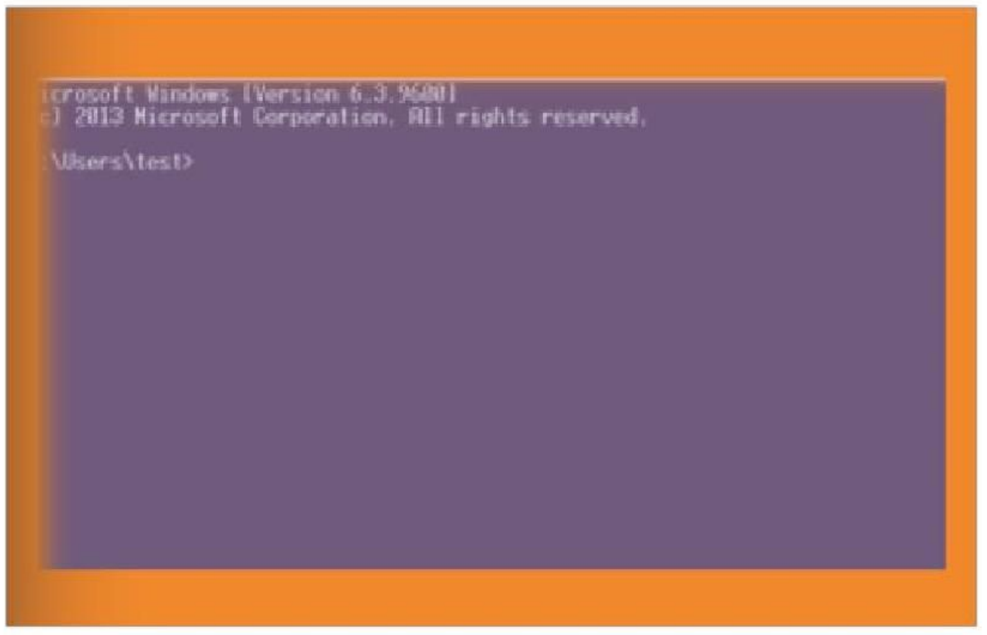
☞ Chúng giống nhau ở chỗ cả hai đều là chương trình phần mềm.

☞ Chúng khác nhau ở chỗ các chương trình ứng dụng được sử dụng để thực hiện công việc, còn Hệ điều hành thì quản lý các thiết bị phần cứng và đảm bảo sự liên lạc giữa các phần cứng với các chương trình ứng dụng. Ngoài ra, Hệ điều hành còn phải quản lý các tệp tin được lưu trữ trên máy tính.

Hệ điều hành có giao diện đồ họa người dùng (GUI : Graphical User Interface) dễ sử dụng hơn các hệ điều hành có giao diện ký tự người dùng (CUI: Character User Interface).

Giao diện GUI	Graphical User Interface	Giao diện CUI	Character User Interface

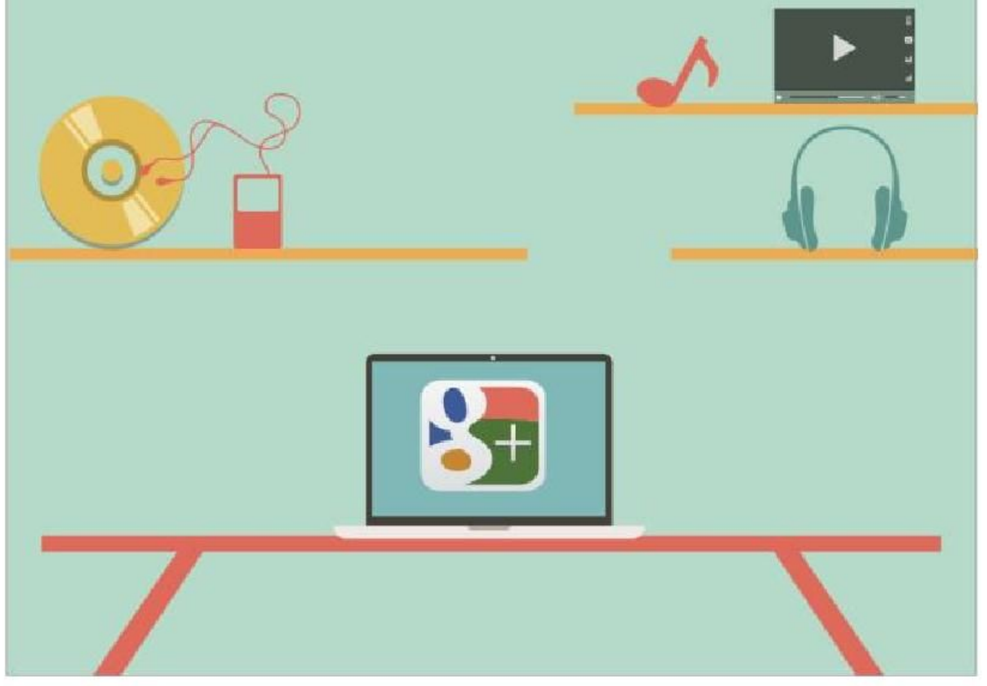




Hệ điều hành quản lý phần cứng, các chương trình và các tệp tin. Ví dụ, hệ điều hành giúp bạn sao chép được tệp tin.



Hệ điều hành giúp bạn sử dụng được các phần mềm ứng dụng như nghe nhạc, xem phim, tìm kiếm dữ liệu trên Internet,...





Vai trò của Hệ điều hành đối với các chương trình ứng dụng và các thiết bị

03 Các hệ điều hành hiện đại

Ngày nay, có rất nhiều hệ điều hành khác nhau để bạn có thể sử dụng. Các hệ điều hành này có thể trao đổi và chia sẻ thông tin với nhau.

Các hệ điều hành thường gặp:



Windows 7



Windows 8



Ubuntu Desktop

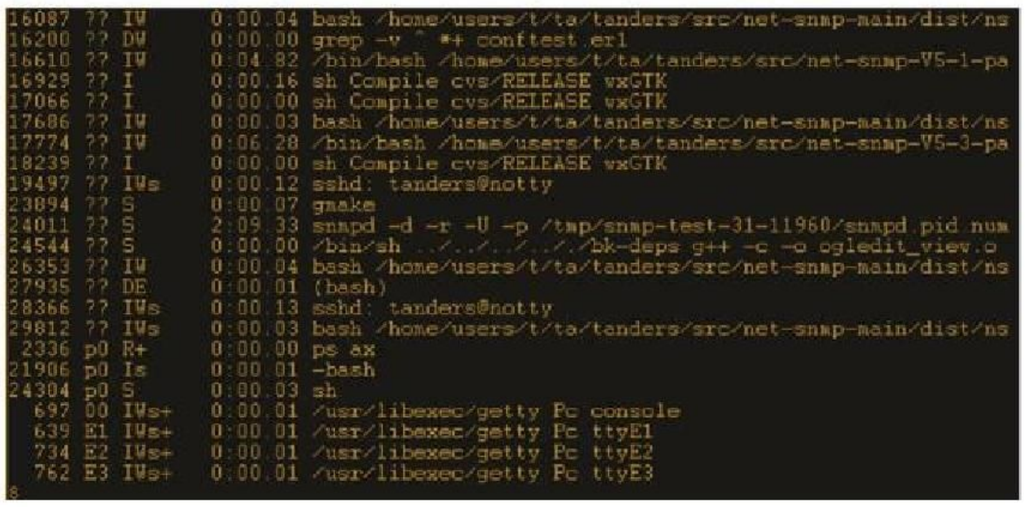
Hệ điều hành họ Linux.
Được sử dụng rộng rãi bởi người dùng cuối.

Các dòng hệ điều hành khác:



Mac OS

Được thiết kế bởi hãng Apple dành riêng cho các máy tính Macintosh.



UNIX

Dành riêng cho các hệ thống máy chủ và máy tính lớn.



Hệ điều hành cho các thiết bị cầm tay

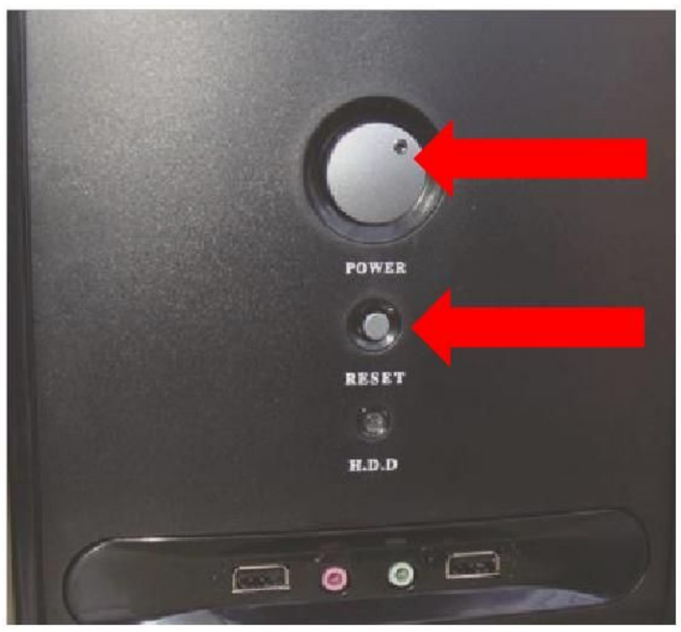
Ví dụ như Symbian, Windows Phone, Palm, iOS và Blackberry, ...

04 Khởi động máy tính



Ký hiệu Nút nguồn.

Nút nguồn trên máy tính để bàn.



Nút nguồn.

Nút khởi động lại.



Nút nguồn trên máy tính xách tay.

Chú ý

Khởi động máy tính (nhấn nút nguồn) là một quá trình tải (bootstrapping) để khởi động sự làm việc của hệ điều hành khi người dùng bật một hệ thống máy tính.

Nếu trong quá trình khởi động máy tính, bạn nhận thấy máy tính khởi động không bình thường, bạn nhấn nút Reset để khởi động lại máy tính.

a Các bước cấp nguồn cho máy tính

Bật tất cả mọi thứ kết nối đến khối hệ thống.
Mục đích: đảm bảo dòng điện ổn định cho khối hệ thống.

Bật công tắc nguồn cho khối hệ thống.

b Điều gì xảy ra khi bạn bật nguồn máy tính?

Quá trình bật máy tính và tải hệ điều hành được gọi là quá trình khởi động (booting) máy tính.

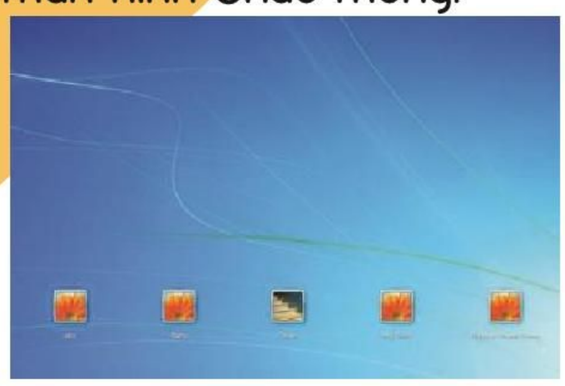
Máy tính thực hiện quá trình tự kiểm tra POST (power on self-test).

Các lệnh lưu trữ trong ROM-BIOS được tải vào bộ nhớ và được thực thi.

Chương trình BIOS kiểm tra và đếm bộ nhớ, sau đó máy tính tìm kiếm và tải hệ điều hành vào bộ nhớ.



Windows hiển thị màn hình Chào mừng.



Khi bạn bật máy tính trên Hệ điều hành Windows, bạn sẽ thấy một trong hai trường hợp có thể xảy ra:

Nếu bạn là người dùng duy nhất trên máy tính thì tài khoản người dùng không yêu cầu nhập mật khẩu (Password). Hệ điều hành tự động đăng nhập vào tài khoản của bạn và màn hình Desktop xuất hiện.

Nếu máy tính có nhiều người dùng hoặc nếu tài khoản của bạn yêu cầu mật khẩu thì Windows sẽ hiển thị một biểu tượng cùng tên cho mỗi tài khoản người dùng và bạn phải nhập mật khẩu để đăng nhập vào tài khoản của bạn.

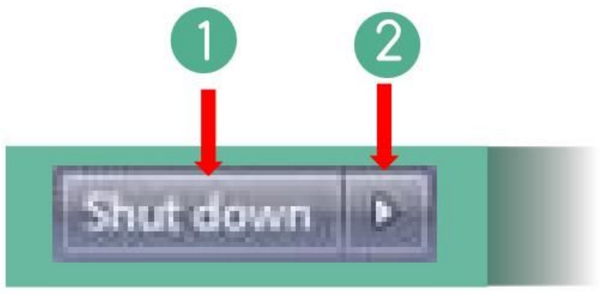


C Thoát khỏi máy tính đúng cách

Chú ý

Trước khi tắt máy tính, bạn cần đóng các tệp tin và các chương trình đang mở. Điều này giúp các tệp tin dữ liệu không bị hỏng hoặc mất.

Trong Windows 7, bạn nhấp chuột vào nút Start để truy cập vào các tùy chọn tắt máy tính (Shut down).



1 Tắt

2 Các tùy chọn tắt máy tính

Bạn nhấp chuột vào nút



Để hiển thị các lựa chọn bao gồm:



Switch user (Chuyển đổi người dùng)	Giúp bạn chuyển sang tài khoản người dùng khác mà không cần đăng xuất khỏi tài khoản hiện hành.
Log off (Đăng xuất khỏi người dùng hiện tại)	Đăng xuất ra khỏi tài khoản người dùng hiện tại.
Lock (Khóa máy tính)	Ẩn màn hình Desktop đằng sau một màn hình đăng nhập.
Restart (Khởi động lại)	Khởi động lại máy tính mà không cần ngắt nguồn.
Sleep (Ngủ)	Đặt máy tính trong trạng thái ngủ và tiêu thụ ít năng lượng.
Hibernate (Ngủ đông)	Chỉ có sẵn trên máy tính xách tay để đặt máy tính xách tay vào chế độ hoàn toàn không tiêu tốn năng lượng.

05 Mối quan hệ giữa phần cứng và phần mềm

Hệ điều hành và các chương trình ứng dụng vận hành trên máy tính.
Phần mềm được thiết kế để tận dụng tốc độ và khả năng của phần cứng.

Phần mềm

Phần cứng

Là các thiết bị và thành phần vật lý cấu thành máy tính.
Nhờ có sự phát triển của phần cứng nên tốc độ và khả năng lưu trữ của máy tính cũng được cải tiến liên tục.

Chú ý Các phần mềm mới (được thiết kế dành cho các máy tính hiện đại) không thể vận hành chính xác trên các máy tính cũ nếu như các máy tính cũ đó không đủ nhanh hoặc có cấu hình không phù hợp.

Bài tập

1. Thử thách cùng ô chữ:

Bạn hãy khoanh tên các hệ điều hành theo chiều ngang và chiều dọc nhé (không phân biệt hướng trái, phải, trên, dưới).

T	U	W	I	N	D	O	M	B	U
U	N	I	X	E	I	S	S	L	H
O	O	N	N	S	O	F	Y	A	Q
D	B	D	A	O	S	R	M	C	O
I	L	O	I	C	Z	Q	B	K	H
O	E	W	R	A	C	L	I	B	J
R	N	S	Y	M	B	I	A	E	D
D	S	H	I	L	N	N	N	R	B
N	A	K	G	Y	T	U	O	R	X
A	P	A	L	M	A	X	U	Y	E

2. Tìm đáp án phù hợp: Bạn hãy nối chức năng và giải thích phù hợp với chức năng đó.

1	Chuyển sang tài khoản người dùng khác mà không cần đăng xuất khỏi tài khoản hiện hành. Nhấn vào tùy chọn này sẽ đưa bạn đến việc đăng nhập trên màn hình.
2	Đóng tất cả các mục đang mở, đăng xuất ra khỏi tài khoản người dùng hiện tại và trở về màn hình đăng nhập.
3	Bạn có thể sử dụng tùy chọn này nếu bạn cần phải rời khỏi máy tính một chút và khi muốn tiếp tục làm việc bạn cần nhập mật khẩu. Tất cả các chương trình và các tệp tin của bạn vẫn luôn mở và sẵn sàng.
4	Đóng tất cả các mục đang mở và khởi động lại máy tính mà không cần ngắt nguồn. Khởi động lại hệ thống theo cách này sẽ xóa bộ nhớ và tải lại hệ điều hành.
5	Đặt máy tính trong một trạng thái tiêu thụ ít điện năng hơn. Màn hình sẽ tắt và thường quạt máy cũng dừng lại. Khi bạn bật máy tính, màn hình sẽ hiện lên đúng như những gì bạn đang làm trước khi bạn đưa máy vào chế độ này.
6	Chỉ có sẵn trên máy tính xách tay. Bấm vào tùy chọn này để máy tính ở trạng thái không tiêu tốn điện năng. Khi bạn nhấn nút nguồn thì hệ thống khởi động trở lại và lại tiếp tục về trạng thái trước khi bạn rời đi.

A	Log off
B	Sleep
C	Restart
D	Lock
E	Hibernate
F	Switch user
G	Shut down

3. Em hãy cho biết hai tùy chọn nào dưới đây là chức năng chính của Hệ điều hành? (Chọn 2)
   a. Quản lý thiết bị.
   b. Quản lý thao tác người dùng.
   c. Quản lý tập tin.
   d. Quản lý việc người dùng truy cập Internet.

4. Em hãy cho biết tùy chọn nào dưới đây định nghĩa về Hệ điều hành là đúng nhất? (Chọn 1)
   a. Hệ điều hành là một phần mềm dùng để truy cập vào Internet.
   b. Hệ điều hành là một phần mềm có chức năng phát hiện, ngăn chặn và diệt các phần mềm độc hại.
   c. Hệ điều hành là một phần mềm chạy trên máy tính, dùng để điều hành, quản lý các thiết bị phần cứng và các tài nguyên phần mềm trên máy tính.

5. Em hãy cho biết tùy chọn nào dưới đây nói về Hệ điều hành là đúng nhất? (Chọn 1)
   a. Không có Hệ điều hành, máy tính vẫn có thể hoạt động nhờ vào các chương trình hệ thống được cài đặt trong bộ nhớ ROM.
   b. Không có Hệ điều hành, máy tính vẫn có thể hoạt động nhờ vào các chương trình hệ thống được cài đặt trong ROM-BIOS.
   c. Không có Hệ điều hành, máy tính vẫn có thể hoạt động nhờ vào chip CPU có trong máy tính.
   d. Không có Hệ điều hành, máy tính không hoạt động được.

6. Em hãy cho biết thành phần nào dưới đây được chạy trước tiến trình khởi động của một máy tính? (Chọn 1)
   a. Các ứng dụng người dùng.
   b. Các tiện ích hệ thống.
   c. Hệ điều hành.

7. Em hãy cho biết khi nhấp chuột vào nút Shut down, máy tính sẽ như thế nào? (Chọn 1)
   a. Đăng xuất người dùng hiện tại.
   b. Thoát khỏi màn hình hiện tại trở về màn hình đăng nhập.
   c. Đóng tất cả các tập tin đang mở và hệ điều hành, tắt máy tính, tắt màn hình.

8. Để tắt máy tính đúng cách, bạn nên làm như thế nào? (Chọn 1)
   a. Nhấn nút nguồn trên thùng máy.
   b. Rút nguồn điện khi máy tính đang hoạt động.
   c. Vào menu Start rồi chọn Shut down.

d. Vào menu Start rồi chọn Sleep.

9. Khi muốn rời khỏi máy tính một thời gian ngắn sau đó lại quay trở lại làm việc ngay, chức năng nào sau đây em nên nên sử dụng? (Chọn 1)
   a. Sleep.
   b. Hibernate.
   c. Lock.
   d. Shut down.
10. Em hãy cho biết các tùy chọn nào dưới đây là tên của các hệ điều hành thường dùng cho điện thoại thông minh? (chọn 3)
    a. Android.
    b. iOS.
    c. Ubuntu.
    d. Windows Phone.
    e. Linux.

Bài tập thực hành

1. Xác định đâu là nút bật nguồn trên máy tính của bạn và trên màn hình.
2. Bật màn hình rồi bật nút nguồn máy tính.
3. Nhìn màn để thấy các thông báo trên màn hình.
4. Nếu màn hình đăng nhập xuất hiện, bạn nhấp chuột vào biểu tượng tài khoản của bạn và nhập mật khẩu để đăng nhập vào Windows. Khi bạn đăng nhập thành công, bạn sẽ thấy màn hình Destop xuất hiện.
5. Nhấp chuột vào nút **Start** dưới góc trái màn hình Desktop để mở Start menu.
6. Trỏ chuột vào mũi tên bên phải tùy chọn Shut down, bạn sẽ thấy thực đơn tùy chọn của Shut down.
7. Trong thực đơn tùy chọn, bạn nhấp chuột vào **Switch user** để truy cập vào màn hình đăng nhập. Nếu trên máy tính có nhiều tài khoản người dùng, bạn sẽ thấy xuất hiện biểu tượng cho mỗi tài khoản người dùng.
8. Nhấp chuột vào biểu tượng tài khoản của bạn và nhập mật khẩu để trở về màn hình Desktop.
9. Trỏ chuột vào mũi tên bên phải tùy chọn Shut down, để cho hiện thực đơn tùy chọn của Shut down.
10. Trong thực đơn tùy chọn, nhấp chuột vào **Log off** để đăng xuất ra khỏi tài khoản của bạn và trở về màn hình đăng nhập.
11. Nhấp chuột vào biểu tượng tài khoản của bạn và nhập mật khẩu để trở về màn hình Desktop.

12. Trỏ chuột vào mũi tên bên phải tùy chọn Shut down, để cho hiện thực đơn tùy chọn của Shut down.
13. Trong thực đơn tùy chọn, nhấp chuột vào **Lock** để khóa hệ thống. Bạn sẽ thấy màn hình Desktop bây giờ sẽ được ẩn và thay vào đó là màn hình đăng nhập.
14. Nhấp chuột vào biểu tượng tài khoản của bạn và nhập mật khẩu để trở về màn hình Desktop.
15. Trỏ chuột vào mũi tên bên phải tùy chọn Shut down, để cho hiện thực đơn tùy chọn của Shut down và nhấp chuột vào **Sleep** (hoặc Standby) để đưa máy tính về trạng thái "ngủ". Bạn sẽ thấy màn hình tối lại và đèn báo nguồn sẽ chuyển màu.
16. Nhấn một phím bất kỳ trên bàn phím hoặc nhấn nút nguồn để "đánh thức" máy tính. Tùy thuộc vào việc thiết lập máy tính, bạn có thể sẽ được yêu cầu nhập mật khẩu để trở về màn hình Desktop hoặc bạn sẽ thấy màn hình Desktop xuất hiện ngay tức khắc.
17. Trỏ chuột vào mũi tên bên phải tùy chọn Shut down, để cho hiện thực đơn tùy chọn của Shut down và nhấp chuột vào **Restart** để khởi động lại hệ thống. Bạn sẽ thấy Windows tắt và rồi máy tính sẽ được khởi động lại mà không thực hiện quá trình kiểm tra như lúc ban đầu bạn bật nút nguồn để khởi động hệ thống.
18. Khi màn hình đăng nhập xuất hiện, bạn nhập lại mật khẩu để trở về màn hình Desktop.
19. Nhấp chuột vào nút **Start** và chọn Shut down để tắt hệ thống.

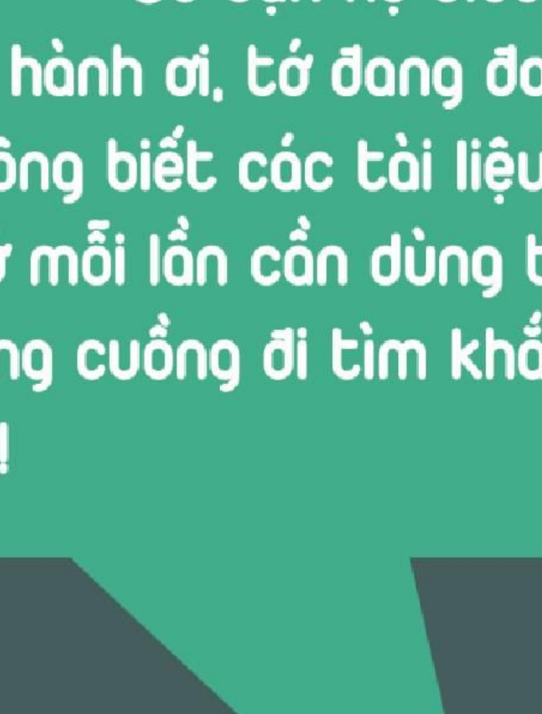
BÀI 2

Mọi bí mật của tớ nằm trong tệp tin và thư mục máy tính



Cô bạn hệ điều hành ơi, tớ đang đau đầu vì không biết các tài liệu của tớ ở đâu. Cứ mỗi lần cần dùng tài liệu là tớ lại cuống cuồng đi tìm khắp nơi. Giúp tớ với !!!

Mo hãy lưu các tài liệu của mình vào trong các thư mục. Sau đó, bạn nhớ phải đặt tên cho tài liệu và thư mục thật ý nghĩa nhé. Bạn có thể tìm thấy tài liệu rất nhanh đấy.





MỤC TIÊU BÀI HỌC

Trong bài học này, bạn sẽ tìm hiểu cách thao tác với các tệp tin và thư mục. Khi học xong, bạn sẽ biết:

- **Cách làm việc với một cửa sổ.**
- Thế nào là tệp tin hoặc thư mục.
- Lựa chọn các tệp tin hoặc thư mục.
- Sao chép hoặc di chuyển các tệp tin hoặc thư mục.
- Đổi tên tệp tin hay thư mục.
- Tìm kiếm tệp tin.

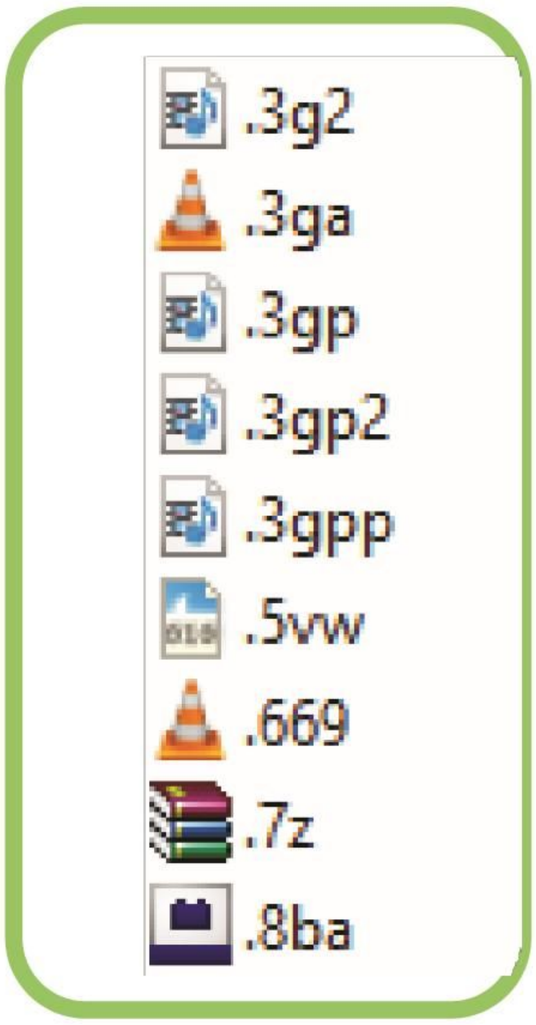
01 Tìm hiểu tệp tin và thư mục

Khái niệm

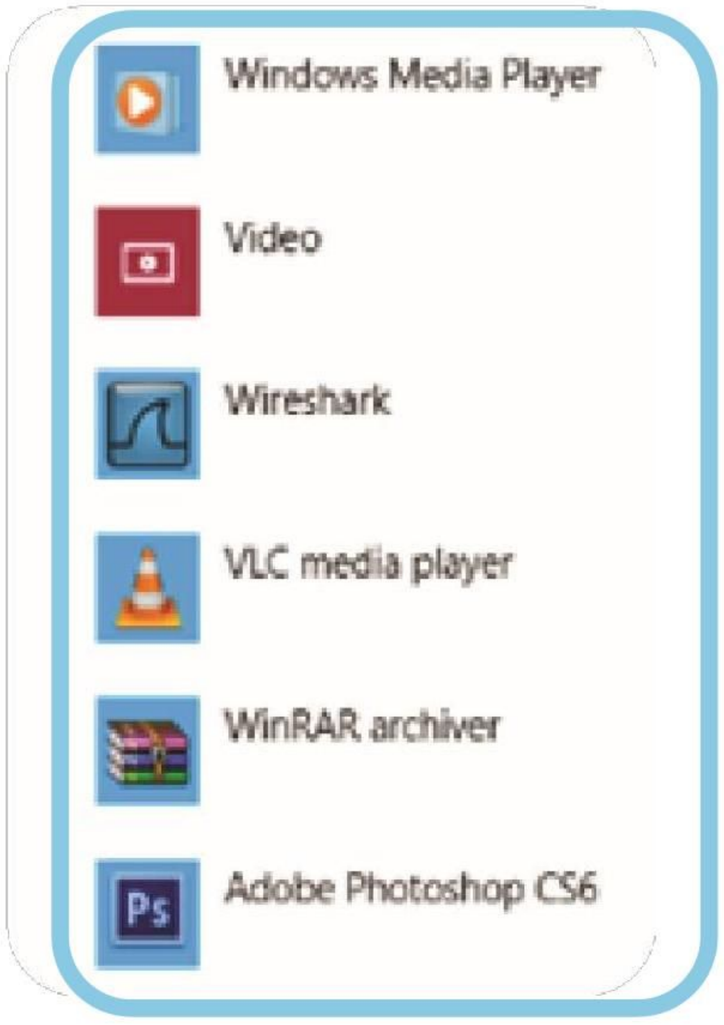
Tệp tin là một đối tượng trong máy tính để lưu trữ dữ liệu, thông tin, các thiết lập hoặc các lệnh được sử dụng trong một chương trình máy tính.

Một tệp tin (file) được tạo ra do một chương trình cụ thể; loại chương trình sẽ quyết định kiểu của tệp tin đó.

Một vài kiểu tệp tin khác nhau:



Một vài chương trình máy tính làm việc được với kiểu tệp tin tương ứng:



Khái niệm

Thư mục (folder) là nơi chứa các chương trình và các tệp tin.
Thư mục là phương tiện để sắp xếp thông tin.

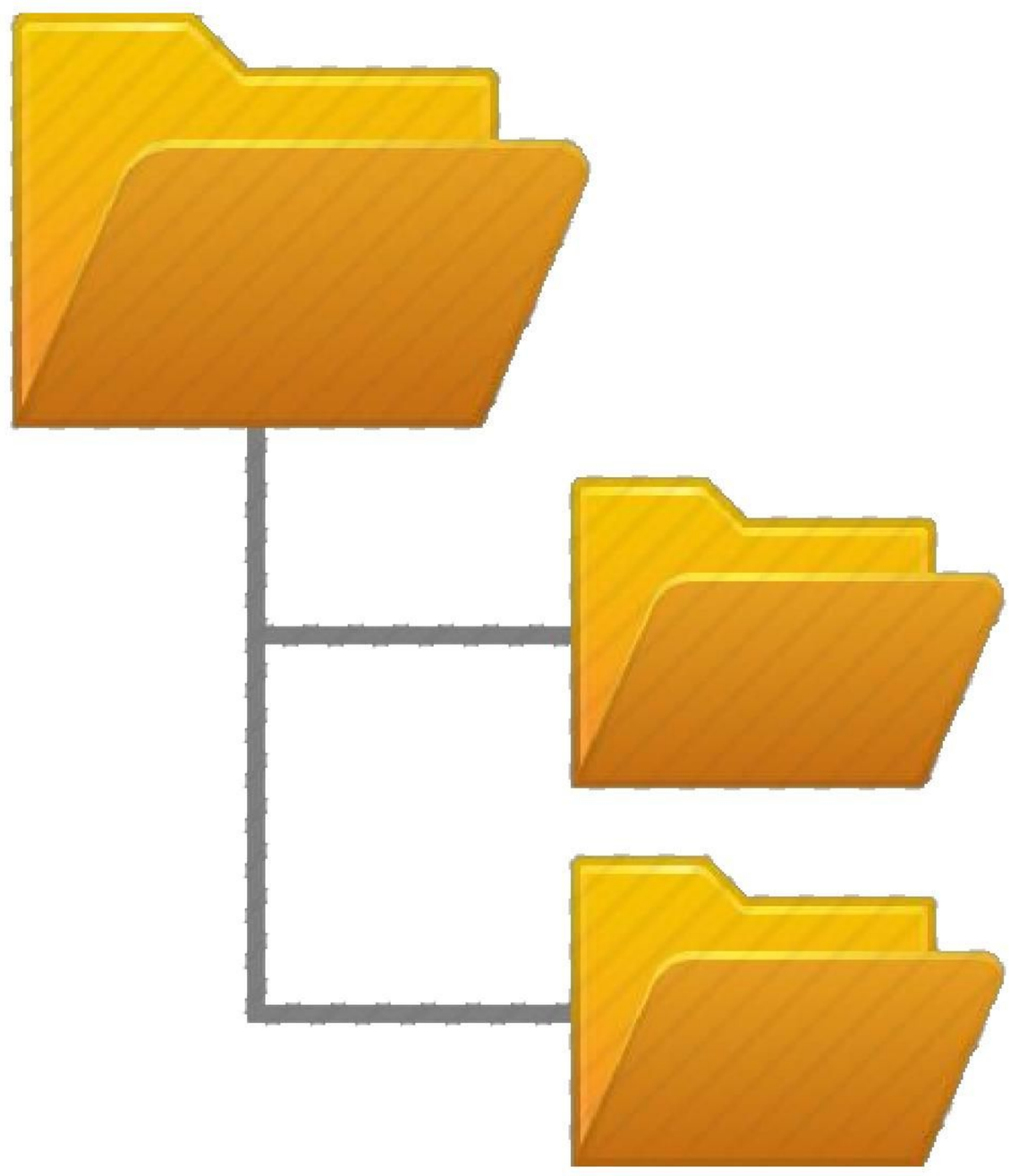


- Thư mục giống như các ngăn trong tủ đựng hồ sơ giúp bạn sắp xếp các thư mục và các tệp tin có liên quan lại với nhau.
- Một thư mục con (subfolder) đơn giản là một thư mục được chứa trong một thư mục khác.

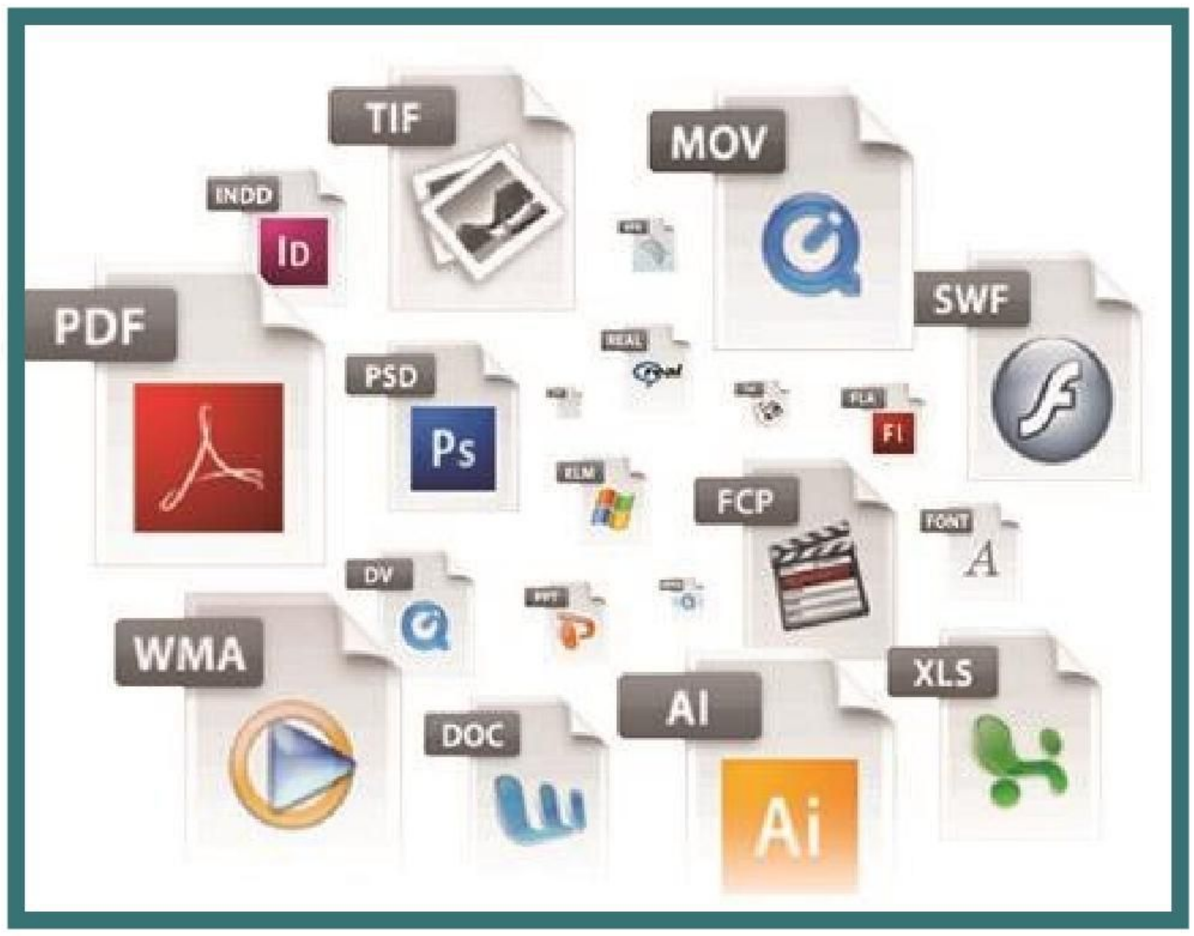
Hình ảnh về các hồ sơ trong ngăn tủ



Hình ảnh về cây thư mục trên máy tính



Các kiểu tệp tin



Tệp tin hệ thống (System File)
- Là một phần của hệ điều hành.
- Chỉ dẫn rất chi tiết cho bộ vi xử lý phải thực hiện những nhiệm vụ gì.

Tệp tin ứng dụng (Application File)
- Chỉ dẫn rất chi tiết cho bộ vi xử lý phải thực hiện những nhiệm vụ gì (đọc, ghi, tính toán).
- Thường nằm trong thư mục Program Files.

Tệp tin dữ liệu (Data File)
- Chứa dữ liệu do bạn nhập và lưu lại.

b Cấu trúc cây thư mục

Một ví dụ về cấu trúc cây thư mục:



- Mức cao nhất của bất kỳ thư mục nào trên ổ đĩa được gọi là thư mục gốc. Ví dụ: C:\.

- Mọi tệp tin trên máy tính đều được lưu trữ tại một vị trí cụ thể trên một ổ đĩa.

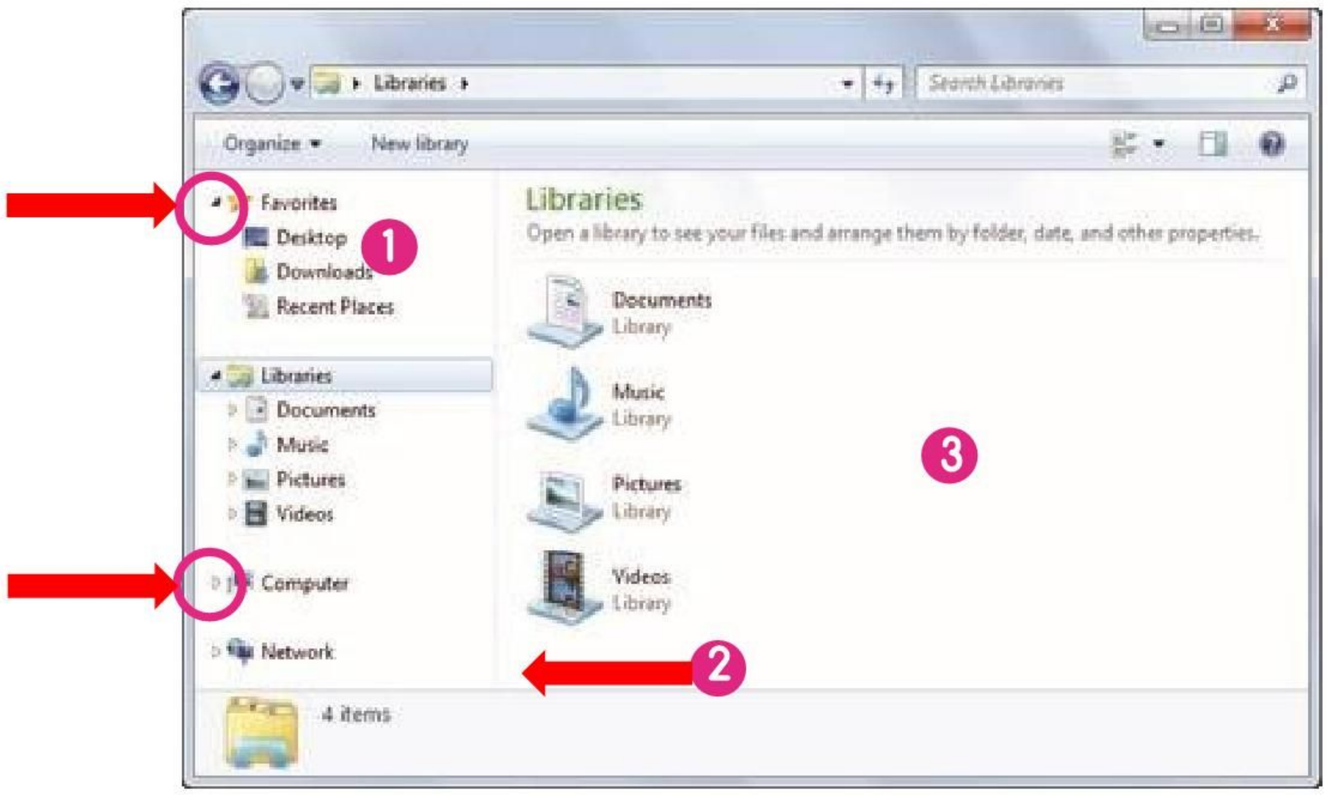
Để bắt đầu làm việc với các tệp tin và thư mục, bạn hãy dùng một trong các cách sau:

1. Nhấp chuột vào **Start** và sau đó nhấp chuột vào **Computer**.
2. Nhấp chuột vào **Start**, **All Programs**, **Accessories** và sau đó chọn **Windows Explorer**.
3. Nhấp chuột vào **Start**, gõ: **expl** vào hộp **Search** và nhấp chuột vào **Windows Explorer**.
4. Nhấp chuột phải vào nút **Start** và Nhấp chuột vào **Open Windows Explorer**.
5. Nhấn tổ hợp phím ⊞ + E .

02 Làm quen với cửa sổ chứa tệp tin và thư mục

Thu gọn (Collapse):
Ẩn các mục con hoặc thu gọn cấu trúc sắp xếp của cấp độ này.

Mở rộng (Expand):
Hiển thị các mục con hoặc các nội dung con của cấp độ hiện tại.



1 Khung điều hướng

Chứa các danh sách giúp bạn truy xuất nhanh đến vị trí của một tệp tin hoặc thư mục.

2 Thanh phân chia

Nhấp chuột và kéo thanh này để thay đổi diện tích hiển thị các thư mục.

3 Ô nội dung

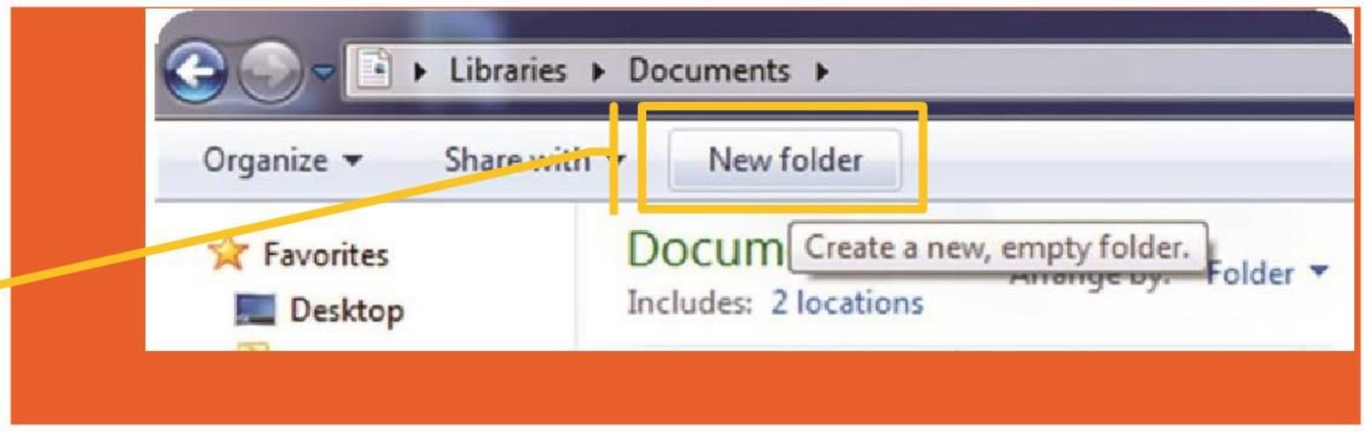
Hiển thị tất cả các tệp tin và thư mục con của thư mục đã được chọn trong khung điều hướng.

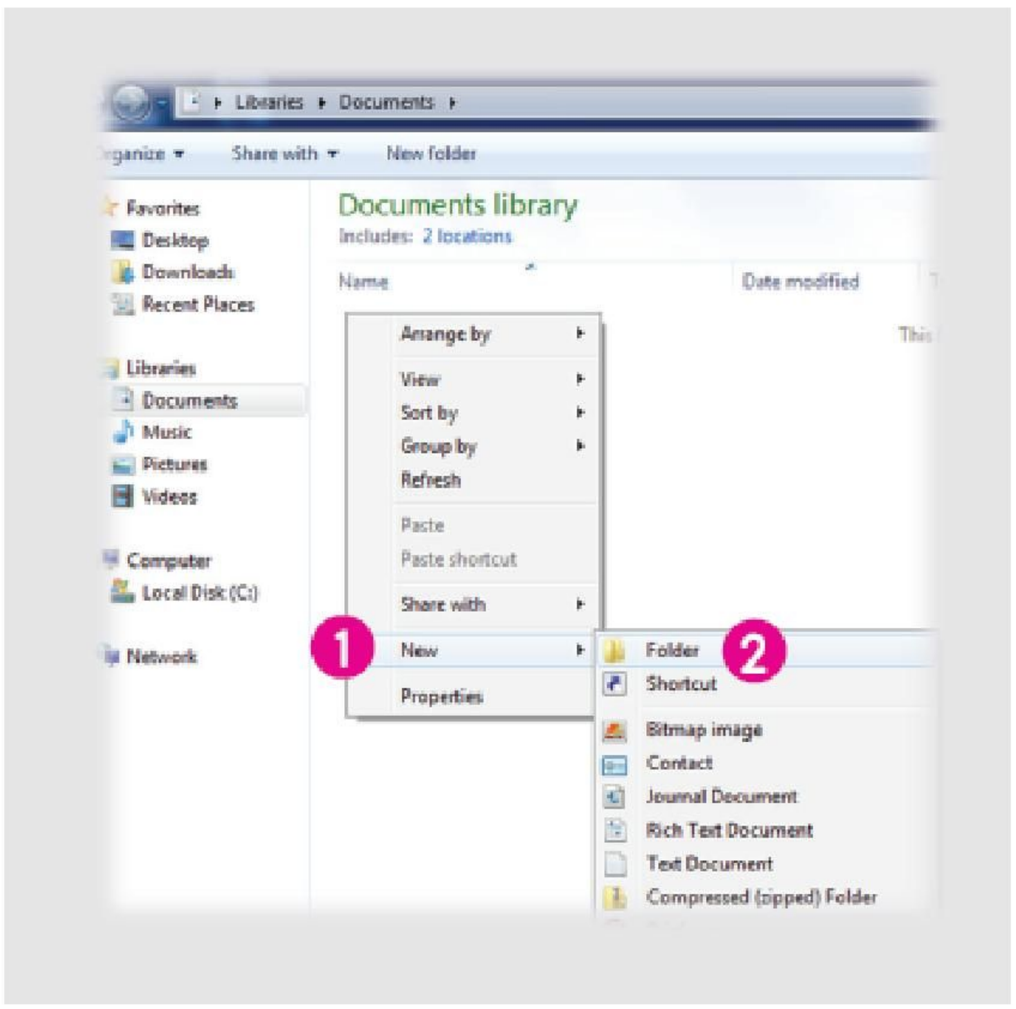
03 Tạo thư mục

Bạn có thể tạo các thư mục ở bất kì cấp độ nào, kể cả trực tiếp trên màn hình của Windows. Để tạo một thư mục, bạn hãy dùng một trong các cách sau:

Cách 1

Trên thanh lệnh, nhấp chuột vào: New folder



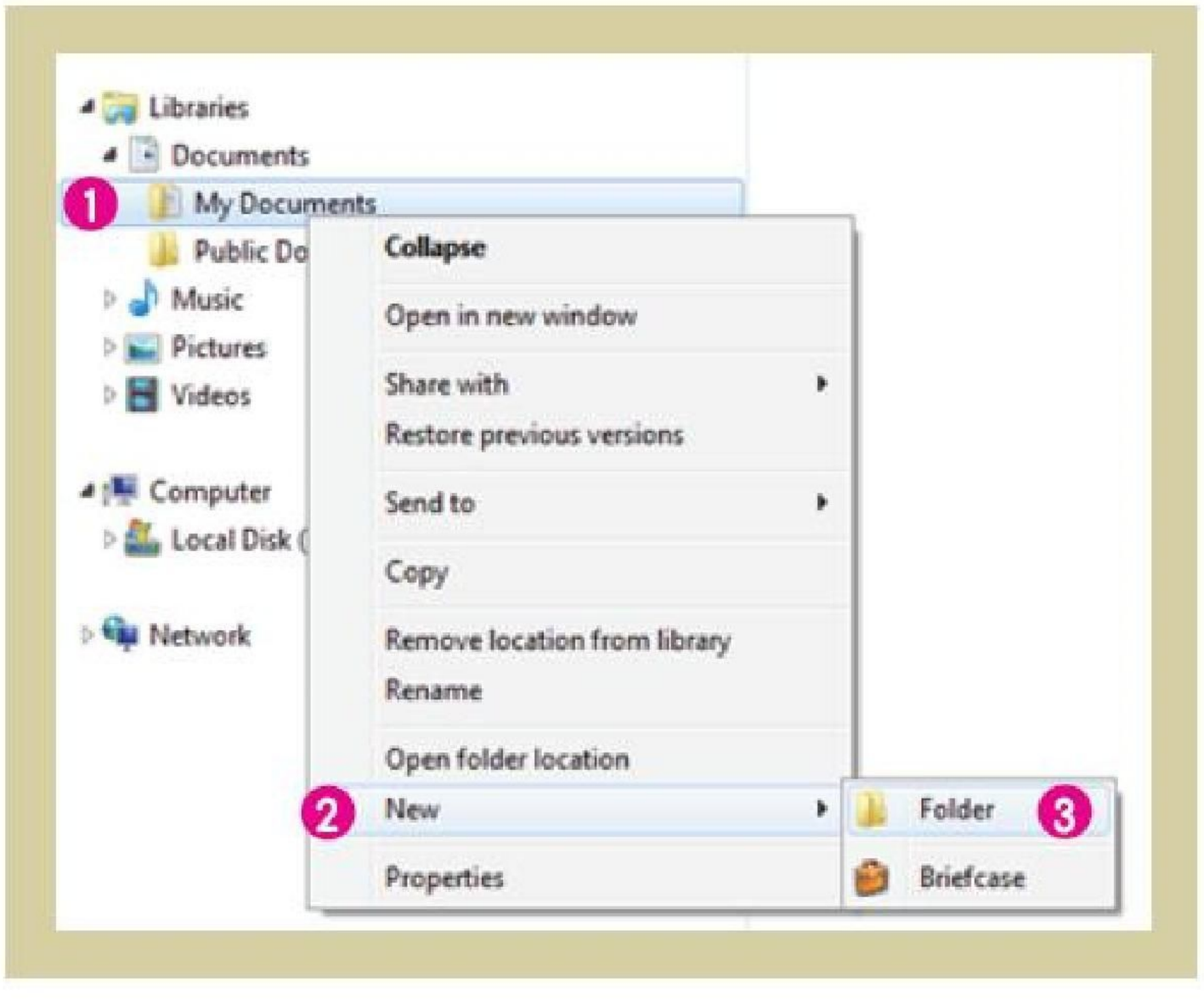


Cách 2

Nhấp chuột phải vào khoảng trống của Ô Nội Dung và nhấp chuột vào **New**, sau đó chọn **Folder**

Cách 3

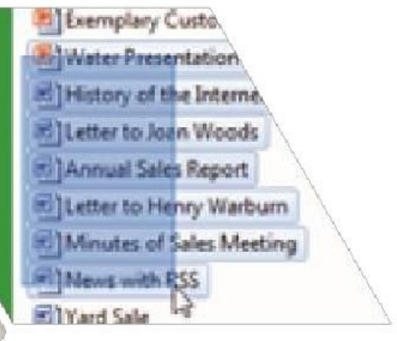
- Nhấp chuột phải vào vị trí (ổ đĩa hay thư mục) trong danh sách thư mục mà bạn muốn tạo thư mục mới.
- Sau đó, nhấp chuột vào **New**, sau đó chọn **Folder**.



04 Chọn các tệp tin hay thư mục

Trước khi thực hiện thao tác như sao chép, di chuyển hay xóa, bạn phải chọn tệp tin hay thư mục đó. Sau đó, bạn lựa chọn một trong những cách sau:

Đặt trỏ chuột vào vùng trống bên cạnh tệp tin hay thư mục đầu tiên cần chọn, sau đó nhấp chuột và kéo chuột lên hoặc xuống để chọn các tệp tin hay thư mục còn lại. Một ô vuông sẽ xuất hiện để xác nhận sự lựa chọn, và các tệp tin hay thư mục được tô đậm.



Để lựa chọn nhiều tệp tin hay thư mục liên tiếp, đặt trỏ chuột vào tệp tin hay thư mục đầu tiên trong danh sách, nhấn phím Shift và sau đó đưa trỏ chuột đến tệp tin hay thư mục cuối cùng trong danh sách.



Khi các tệp tin hay thư mục đã được chọn, nếu bạn cần thay đổi chọn thư mục hay tệp tin, bạn sử dụng phím Shift hoặc Ctrl và nhấp chuột vào những phần tương ứng.



Để chọn tất cả các tệp tin và thư mục, nhấp chuột vào Organize và nhấp chuột vào Select All, hoặc nhấn tổ hợp phím Ctrl + A.

Để lựa chọn nhiều tệp tin hay thư mục không liên tiếp, đặt trỏ chuột vào tệp tin hay thư mục đầu tiên cần chọn, ấn và giữ phím Ctrl, sau đó đưa trỏ chuột tới từng tệp tin hay thư mục cần chọn.

Để chọn một tệp tin hay thư mục, nhấp chuột vào tệp tin hay thư mục đó.

05 Đặt lại tên tệp tin hoặc thư mục

Có nhiều cách để đổi tên của một thư mục, bạn hãy dùng một trong các cách sau:



- Nhấp chuột vào biểu tượng thư mục để chọn. Sau đó nhấn phím F2 để kích hoạt chế độ chỉnh sửa, hoặc
- Nhấp chuột vào biểu tượng thư mục, sau đó nhấp chuột vào tên thư mục để kích hoạt chế độ chỉnh sửa, hoặc
- Nhấp chuột phải vào thư mục và sau đó nhấp chuột vào Rename từ danh sách lệnh, hoặc
- Trên thanh lệnh, nhấp chuột vào Organize và sau đó nhấp chuột vào Rename.

Nếu bạn muốn đổi tên tệp tin, bạn thực hiện các bước sau:

- Chọn tệp tin và sau đó nhấn F2, hoặc
- Chọn tệp tin và sau đó nhấp chuột một lần vào trong tên tệp tin, hoặc
- Nhấp chuột phải vào tệp tin và sau đó nhấp vào **Rename**.

Chú ý

Tên của thư mục có thể dài hay ngắn (lên tới 255 kí tự), bạn có thể không quan sát được hết tên của thư mục khi tên thư mục quá dài.

Các kí tự \ / : * " < > | không thể sử dụng trong tên tệp tin hay thư mục.

06 Sao chép và di chuyển các tệp tin, thư mục

Khái niệm

Khi bạn sao chép một tệp tin hay thư mục, tệp tin hay thư mục gốc vẫn còn ở vị trí nguồn và một bản sao được đặt vào vị trí đích – nghĩa là dữ liệu sẽ được lưu ở cả hai vị trí.



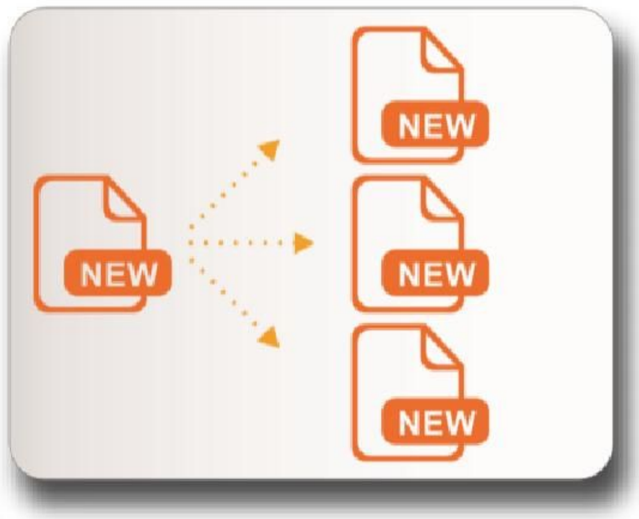
Hình ảnh về sao chép các tệp tin sang thư mục khác

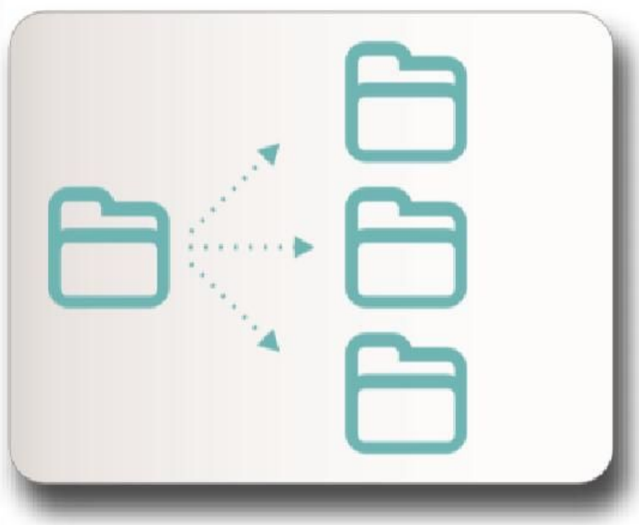
Chú ý

Bạn thường xuyên phải thực hiện các thao tác như sao chép, di chuyển tệp tin hoặc thư mục.
Bạn nên sử dụng Khung điều hướng để nhanh chóng định vị thư mục hoặc ổ đĩa.

Để thực hiện việc này, trước tiên bạn phải chọn các tệp tin hay thư mục. Sau đó, để sao chép một tệp tin hay thư mục, bạn hãy dùng một trong các cách sau:

- Nhấp chuột vào Organize và sau đó chọn **Copy**, di chuyển tới vị trí mới và sau đó nhấp chuột vào Organize chọn **Paste**, hoặc
- Nhấn phím Ctrl + C, chuyển tới vị trí mới và sau đó nhấn phím Ctrl + V, hoặc
- Nhấp chuột phải vào các tệp tin/thư mục đã chọn và chọn **Copy**, chuyển tới vị trí mới, nhấp chuột phải và chọn **Paste**, hoặc
- Nếu bạn đang sao chép các tệp tin từ ổ đĩa này sang ổ đĩa khác, Windows sẽ tự động sao chép phần chọn khi bạn kéo phần các tệp tin/thư mục đã chọn tới vị trí mới, hoặc
- Nếu bạn đang sao chép các tệp tin trong cùng ổ đĩa, giữ phím Ctrl trong khi bạn kéo tệp tin hay thư mục đã chọn tới vị trí mới.





07 Tìm hiểu về Thùng rác (Recycle Bin)

Khái niệm

Thùng rác là một **vùng lưu trữ tạm thời** dành cho các tệp tin và thư mục bạn xóa khỏi ổ đĩa cứng.

Hai biểu tượng được dùng để biểu diễn Thùng rác:

Thùng rác rỗng.

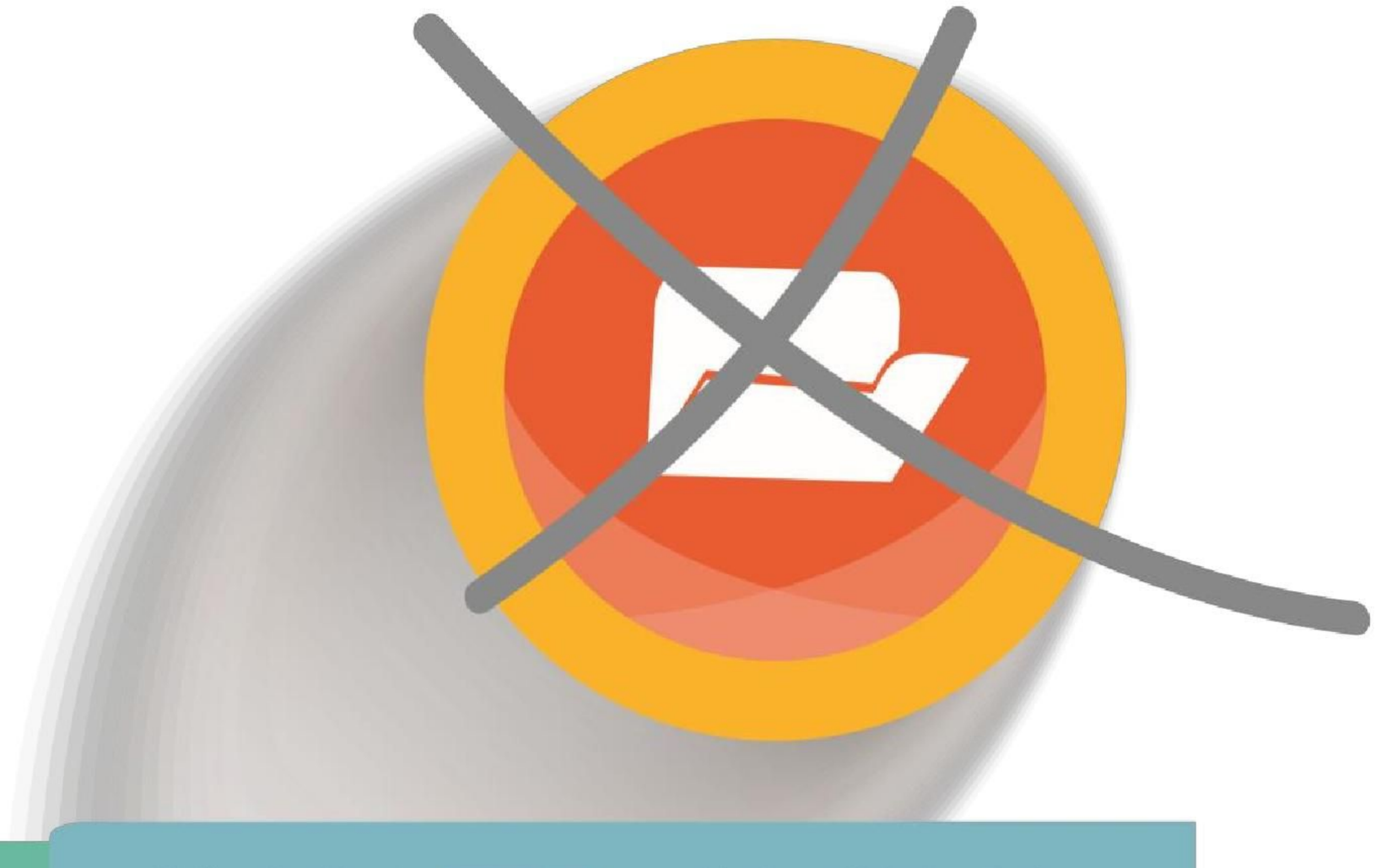


Các tệp tin trong Thùng rác có thể được khôi phục hoặc Thùng rác có thể được làm trống.



08 Xóa các tệp tin và thư mục

Khi bạn không cần các tệp tin hay thư mục nữa, bạn có thể xóa chúng.



Để xóa một tệp tin hay thư mục, chọn tệp tin hay thư mục đó, sau đó thực hiện một trong các cách sau đây:

- Nhấp chuột vào Organize sau đó chọn **Delete**, hoặc
- Chọn tệp tin hay thư mục, sau đó nhấn Delete, hoặc
- Nhấp chuột phải và nhấp chuột vào **Delete**, hoặc
- Kéo tệp tin hay thư mục vào biểu tượng Thùng rác trên Desktop.

Chú ý

Hãy luôn kiểm tra nội dung thư mục trước khi bạn xóa toàn bộ thư mục. Điều này vô cùng quan trọng nếu tệp tin, thư mục được lưu ở ổ mạng hay đĩa ngoài, vì chúng sẽ bị xóa vĩnh viễn và không được chuyển vào Thùng rác.

09 Di chuyển các tệp tin hay thư mục

Khái niệm

Khi bạn di chuyển tệp tin hay thư mục, nó sẽ được cắt (xóa) từ vị trí ban đầu và sao chép sang vị trí đích.

Khi bạn di chuyển một thư mục, toàn bộ nội dung của thư mục đó (bao gồm các thư mục con và các tệp tin) cũng di chuyển theo.

Để thực hiện việc này, sau khi chọn các tệp tin hay thư mục cần di chuyển, bạn hãy dùng một trong các cách sau:



- Nhấp chuột vào **Organizer** và sau đó chọn **Cut**, chuyển tới vị trí mới, nhấp chuột vào và sau đó chọn **Paste**, hoặc
- Nhấn phím **Ctrl+X**, chuyển tới vị trí mới và sau đó nhấn **Ctrl+V**, hoặc
- Nhấp chuột phải vào vùng chọn và sau đó nhấp chuột vào **Cut**, chuyển tới vị trí mới, nhấp chuột phải, và sau đó nhấp chuột vào **Paste**, hoặc
- Kéo tệp tin hay thư mục đã chọn tới vị trí mới.

Sau khi bị cắt, tệp tin hoặc thư mục sẽ di chuyển tới vị trí mới.



10 Những điểm cần lưu ý khi làm việc với tệp tin

01 Sử dụng một quy ước đặt tên tiêu chuẩn khi lưu các tệp tin.

02 Khi di chuyển tệp tin, đảm bảo rằng bạn đang di chuyển đúng tệp tin đến đúng vị trí.

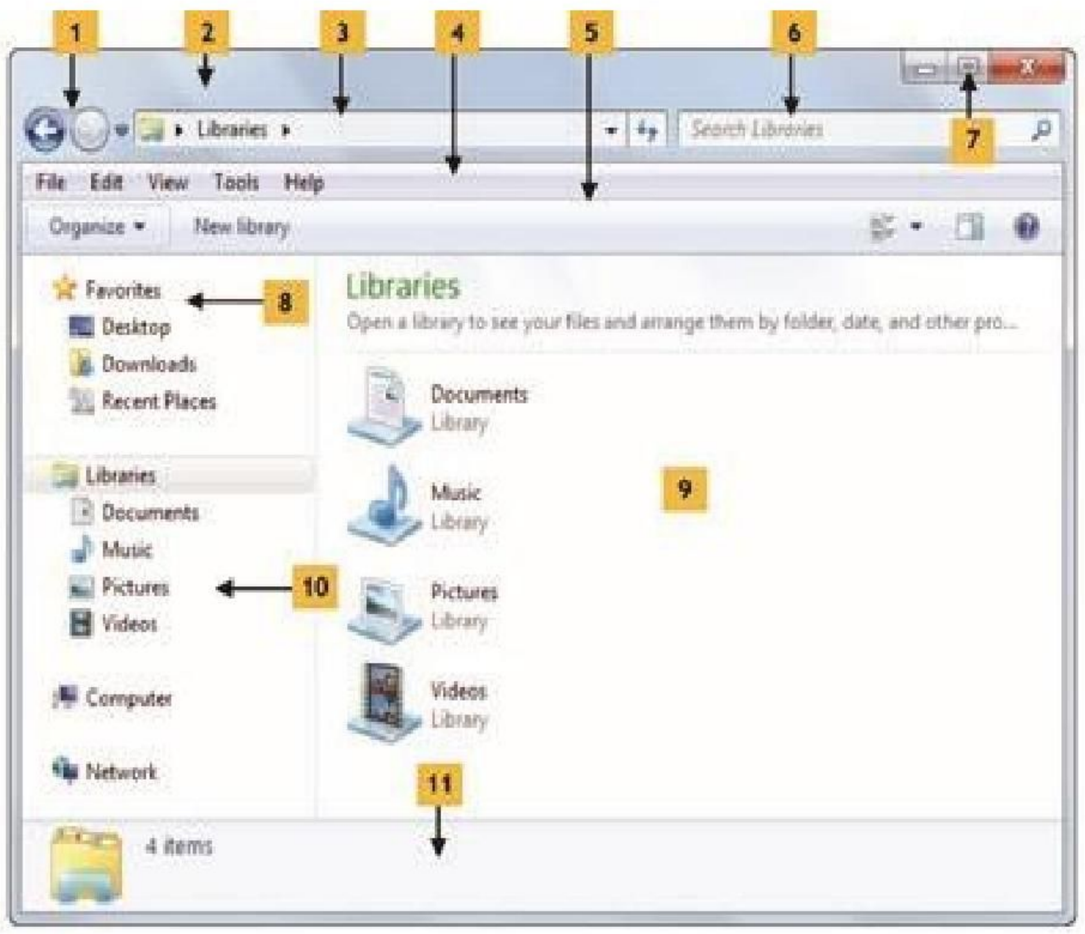
03 Sao lưu các tệp tin của bạn để đề phòng trường hợp tệp tin bị mất, hoặc bị hư hỏng.

04 Không bỏ qua Thùng rác khi xóa các tệp tin.

05 Có những tệp tin hoặc thư mục bạn không có quyền hạn để thao tác với chúng.

Bài tập

1. Bạn hãy điền tên các thành phần được đánh số trong hình sau vào các vị trí tương ứng:



01

02

03

04

05

06

07

08

09

10

11

2. Em hãy điền các từ TẬP TIN và THƯ MỤC vào các vị trí thích hợp để có các định nghĩa đúng nhất:

   a. ..... là một tập hợp các thông tin do người dùng tạo ra từ máy vi tính, các thông tin này là một hay nhiều chuỗi ký tự, ký hiệu giống hoặc khác nhau..... được đặt tên và lưu trữ trong các thiết bị lưu trữ như đĩa cứng, đĩa mềm, đĩa CD, USB, v.v. Tên ..... bao gồm phần tên và phần mở rộng. Ban đầu tên ..... chỉ bao gồm 8 ký tự và phần mở rộng là 3 ký tự, hiện nay tên ..... có độ dài tùy thuộc vào hệ thống ..... và Hệ điều hành, trong một số trường hợp có thể đặt tên ..... có dấu tiếng Việt.

   b. ..... là một dạng ..... đặc biệt có công dụng như là một ngăn chứa, được dùng trong việc quản lý và sắp xếp các .... có thể chứa các ..... và các ..... con bên trong, các ..... con này cũng có thể chứa thêm các ..... và các ..... con khác nữa. Có thể tạo nhiều ..... dùng để chứa các ..... khác nhau giúp phân loại chúng để thuận tiện trong việc tìm kiếm, sử dụng. Cũng giống như ....., ... có thể được đặt tên tùy ý nhưng không cần phải có phần mở rộng, độ dài của tên cũng tùy thuộc vào hệ thống tập tin và Hệ điều hành, trong một số trường hợp có thể đặt tên có dấu tiếng Việt.

3. Em hãy cho biết tên một tập tin có thể dài tối đa bao nhiêu ký tự?

   a. 128.

   b. 255.

   c. 512.

4. Em hãy cho biết tùy chọn nào dưới đây nói đúng về sự khác nhau giữa tập tin và thư mục?

   a. Thư mục chứa tập tin.

   b. Tập tin chứa thư mục.

   c. Thư mục và tập tin là giống nhau.

   d. Thư mục có thể xóa còn tập tin thì không.

5. Em hãy cho biết phần mở rộng của tập tin cho biết điều gì?

   a. Không có ý nghĩa gì.

   b. Cho phép windows xác định ứng dụng nào sẽ được dùng để mở nó.

   c. Tất cả các tập tin đều có phần mở rộng như nhau.

   d. Độ dài của phần mở rộng là không giới hạn.

6. Theo em, phím nào dưới đây được sử dụng để chọn các phần văn bản nằm liên tiếp nhau trong tài liệu?
   a. Ctrl.
   b. Shift.
   c. Alt.
7. Theo em, từ nào là thích hợp với phát biểu sau đây: "Để lựa chọn nhiều tập tin hay thư mục không liên tiếp, đặt trỏ chuột vào tập tin hay thư mục đầu tiên cần chọn, ấn và giữ phím ....., sau đó trỏ chuột tới từng tập tin hay thư mục cần chọn":
   a. Shift.
   b. Alt.
   c. Ctrl.
8. Em hãy cho biết trong cửa sổ Windows Explorer, thanh địa chỉ cho biết điều gì?
   a. Đường dẫn đến thư mục hiện hành.
   b. Thanh địa chỉ sẽ không được hiển thị cho đến khi ta vào menu View và bật nó lên.
   c. Thanh địa chỉ còn chứa thông tin về ổ đĩa.
   d. Không tồn tại thanh địa chỉ trong cửa sổ Windows Explorer.
9. Em hãy cho biết có bao nhiêu cách để đổi tên một tập tin hoặc một thư mục từ cửa sổ Windows Explorer?
   a. 2.
   b. 3.
   c. 4.
10. Em hãy cho biết thao tác nào dưới đây là đúng khi muốn xóa một hoặc nhiều tập tin hay thư mục mà không bỏ vào thùng rác?
    a. Nhấn và giữ phím Shift trước khi thực hiện lệnh Delete.
    b. Nhấn và giữ phím Ctrl trước khi thực hiện lệnh Delete.
    c. Nhấn và giữ phím Alt trước khi thực hiện lệnh Delete.

Bài tập thực hành

1. Thao tác trên cửa sổ Windows:
   a. Nhấp chuột vào nút **Start** rồi nhấp chuột vào **Computer**.
   b. Nhấp chuột vào nút (Maximize) ở góc trên bên phải cửa sổ Window.
   c. Nhấp chuột vào nút  (Minimize).

      (Em hãy chú ý rằng cửa sổ biến mất từ màn hình và nó được xuất hiện dưới dạng một nút trên thanh Taskbar).

d. Nhấp chuột vào nút **Computer** trên thanh Taskbar để cho hiện lại cửa sổ Window (Em chú ý rằng bây giờ cửa sổ Window đang có kích thước lớn nhất và nút  (Restore Down) xuất hiện thay thế nút  (Maximize).

e. Nhấn phím Alt để cho hiện Menu Bar.

f. Nhấp chuột vào **View** để thấy các thực đơn tùy chọn.

g. Nhấp chuột vào **Refresh**.

h. Nhấp chuột vào nút  (Restore Down).

i. Nhấp chuột vào  (Close).

Bây giờ cửa sổ Window biến mất khỏi màn hình.

2. Thao tác trên cửa sổ Windows:

a. Nhấp chuột vào nút **Start** rồi nhấp chuột vào **Computer**.

b. Nếu cửa sổ Windows xuất hiện đầy màn hình, nhấp chuột vào nút  (Restore Down) ở góc trên bên phải cửa sổ Window.

c. Định vị con trỏ chuột trên thanh tiêu đề của cửa sổ Window.

d. Nhấp và giữ chuột để di chuyển cửa sổ đến những nơi khác nhau trên màn hình.

e. Di chuyển con trỏ chuột tới đường biên phải của cửa sổ. Rê chuột trên đường biên cho đến khi con trỏ chuột đổi thành  .



f. Nhấp, giữ và rê chuột để tăng/giảm kích thước chiều ngang của cửa sổ.

g. Di chuyển con trỏ chuột xuống đường biên ngang dưới của cửa sổ cho đến khi con trỏ chuột đổi thành  .

h. Nhấp, giữ và rê chuột để tăng/giảm kích thước chiều cao của cửa sổ.

i. Nhấp chuột vào mũi tên trên thanh cuộn ngang bên dưới cửa sổ chứa danh sách các tệp tin và thư mục.

j. Nhấp chuột vào mũi tên ở trên thanh cuộn đứng bên trái cửa sổ chứa danh sách các tệp tin và thư mục.

k. Nhấp, giữ chuột vào thanh cuộn đứng và rê chuột lên xuống để xem thông tin trong cửa sổ chứa danh sách các tệp tin và thư mục.

l. Nhấp, giữ chuột vào thanh cuộn ngang và rê chuột qua trái/phải để xem thông tin trong cửa sổ chứa danh sách các tệp tin và thư mục.

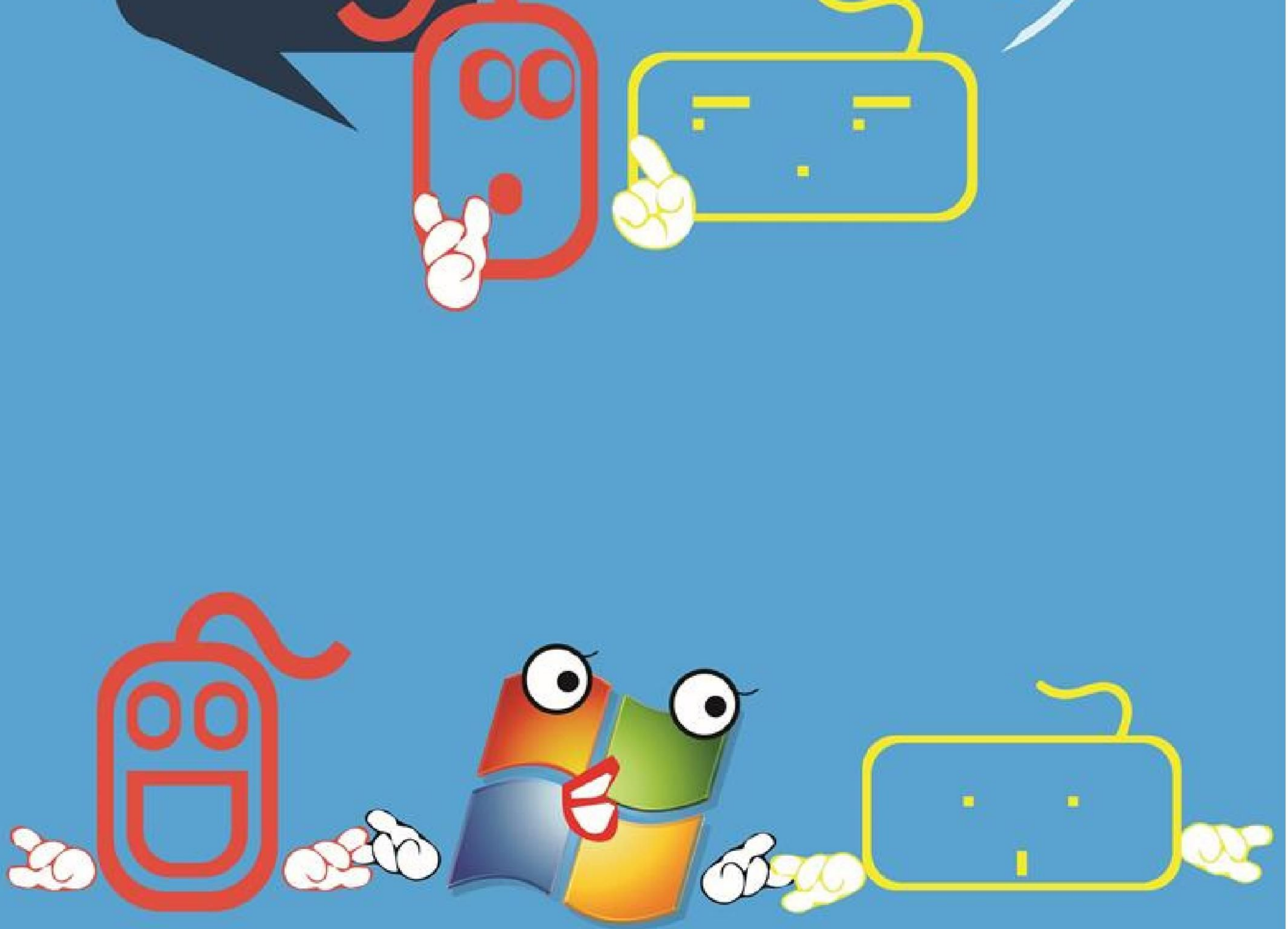
m. Nhấp chuột vào nút  (Close) để đóng cửa sổ Window.

BÀI 3

Tớ có thể quản lý Hệ điều hành

Đến giờ thì tớ thấy cô bạn Hệ điều hành của chúng mình tài giỏi thật đấy. Vậy chắc để quản lý cô bạn này thì khó lắm phải không Key?

Ồ không đâu, cô bạn Hệ điều hành rất thân thiện và dễ mến, Mo có thể thay đổi giao diện, thời gian,... Không khó một chút nào đâu nhé !!!



MỤC TIÊU BÀI HỌC

Trong bài học này, bạn sẽ được học cách tùy biến máy tính của bạn bằng cách sử dụng **Control Panel** trong Windows. Khi hoàn tất bài học, bạn sẽ trở nên quen thuộc với:

- Khởi động Control Panel.
- Thay đổi sự hiển thị của màn hình nền (Desktop).
- Thay đổi ngày giờ.

01 Khám phá Control Panel

Khái niệm

Control Panel là khu vực trong Windows giúp bạn truy cập các tính năng thiết lập hay thay đổi các thiết lập cho các thiết bị trong máy tính.

Bạn có thể truy cập vào **Control Panel** theo một trong những cách sau:

- Nhấp chuột vào **Start**, **Control Panel**; hoặc
- Trong **Windows Explorer**, nhấp chuột vào **Computer** ở Khung điều hướng (Navigation Pane), sau đó nhấp chuột vào Open Control Panel trên thanh lệnh.



Ý nghĩa của các mục trong **Control Panel**

Hệ thống và bảo mật (System and Security).	Cung cấp các lựa chọn để duy trì tính toàn vẹn của hệ thống và thực hiện sao lưu dữ liệu, kiểm tra các cập nhật chống vi rút và quét các phần tải về.
Kết nối mạng (Network and Internet).	Cho phép bạn cài đặt hay điều chỉnh cách kết nối máy tính của bạn vào mạng hay vào Internet và chia sẻ các tập tin với người khác.
Phần cứng và âm thanh (Hardware and Sound).	Cho phép bạn cài đặt hay điều chỉnh cách hoạt động của các phần cứng như các thiết bị âm thanh.
Các chương trình (Programs).	Cho phép bạn tiếp cận với các nhiệm vụ quản lý hệ thống. Ví dụ như cài đặt và gỡ bỏ các chương trình.
Tài khoản người dùng (User Accounts).	Cung cấp các lựa chọn để thiết lập máy tính cho phép nhiều người cùng sử dụng.
Hiển thị và cá nhân hóa (Appearance and Personalization).	Cho phép bạn tùy chỉnh màn hình với chế độ bảo vệ màn hình, nền màn hình,...
Đồng hồ, ngôn ngữ và khu vực (Clock, Language, and Region).	Cho phép truy cập để bạn có thể thay đổi định dạng của ngày tháng, thời gian, tiền tệ hay các con số theo chuẩn khu vực hay các ngôn ngữ.
Khả năng truy cập (Ease of Access).	Cung cấp các lựa chọn để thay đổi các đặc điểm về khả năng truy cập.

b Bạn thường hay thay đổi các thành phần sau trong **Control Panel**:

- Nền màn hình.
- Chế độ bảo vệ màn hình.
- Chuột hay bàn phím.
- Ngày tháng hay thời gian.
- Các âm thanh đi kèm với các thao tác cụ thể trong Windows.
- Âm lượng.

Nếu bạn muốn xem các biểu tượng của các mục ở **Control Panel**, bạn có thể chuyển màn hình sang chế độ **Large icons** hay **Small icons**.



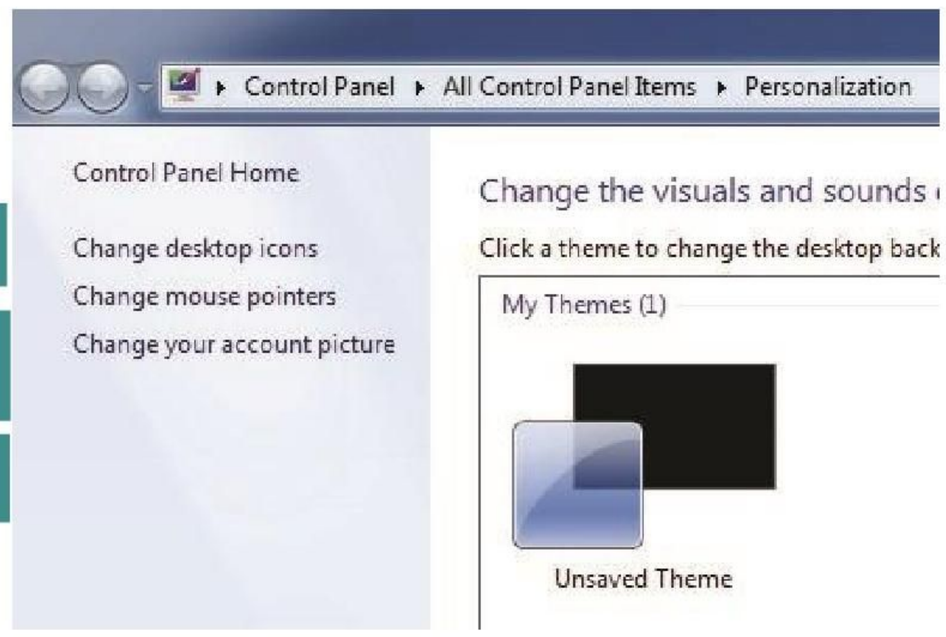
02 Tùy biến hiển thị màn hình Desktop (Desktop Display)

Khái niệm

Tùy chỉnh hiển thị màn hình Desktop bao gồm thay đổi hình nền, chế độ bảo vệ màn hình, hình thức của màn hình, hay độ phân giải màn hình.

Để thay đổi hiển thị, hãy dùng một trong các lựa chọn sau:

1. Nhấp chuột vào **Start**, **Control Panel**, **Appearance and Personalization**, **Personalization**.
2. Nhấp chuột phải vào khoảng trống trên màn hình, chọn **Personalize** và sau đó nhấp chuột vào lựa chọn hiển thị cần thay đổi.
3. Nhấp chuột vào **Personalization** trong cửa sổ **Control Panel**.



Để tùy biến màn hình nền, bạn có thể sử dụng một trong những cách sau:



Sử dụng tùy chọn **Desktop Background** để áp dụng một chủ đề hoặc tùy biến cách các chủ đề hiển thị trong danh sách lựa chọn.

03 Thay đổi ngày giờ (Date and Time)

Khái niệm

Theo mặc định, thời gian hiện thời hiển thị ở vùng thông báo; khi bạn đưa trỏ chuột vào vùng hiển thị thời gian, một khung cửa sổ nhỏ sẽ hiện ra cho biết ngày tháng hiện thời.

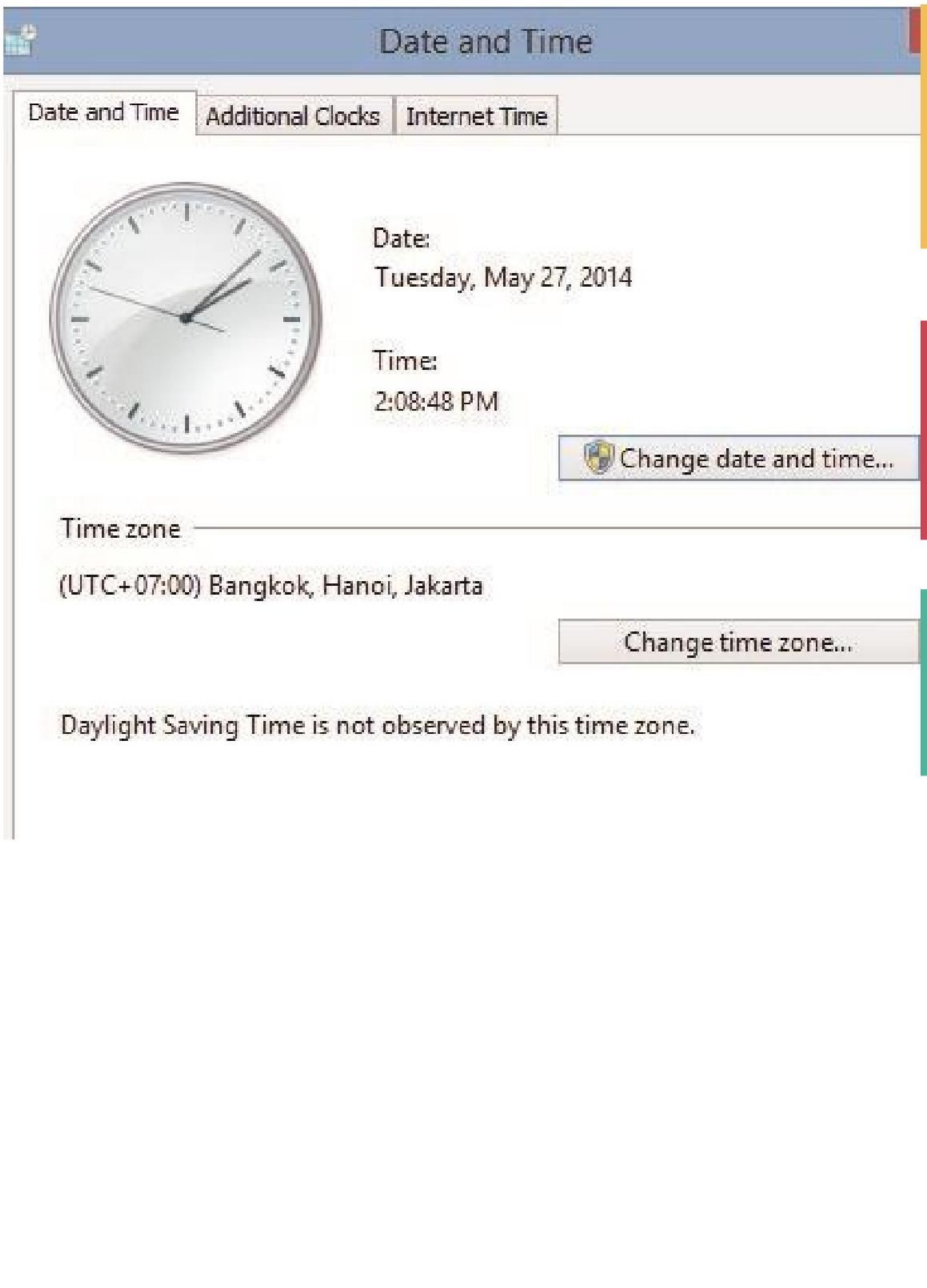


Chú ý

Thiết lập của thời gian được quy định bởi một đồng hồ chạy pin bên trong máy tính (đồng hồ nội bộ), đồng hồ này phải được cập nhật.

- Nếu bạn kết nối vào mạng, thời gian có thể do máy chủ xác định và chỉ nhân viên quản trị mạng mới có thể thay đổi.
- Nếu bạn kết nối vào Internet, máy tính cũng sẽ đồng bộ hóa đồng hồ của nó với thời gian của máy chủ trên Internet.

Bạn có thể thay đổi ngày tháng và thời gian bằng một trong các cách sau:

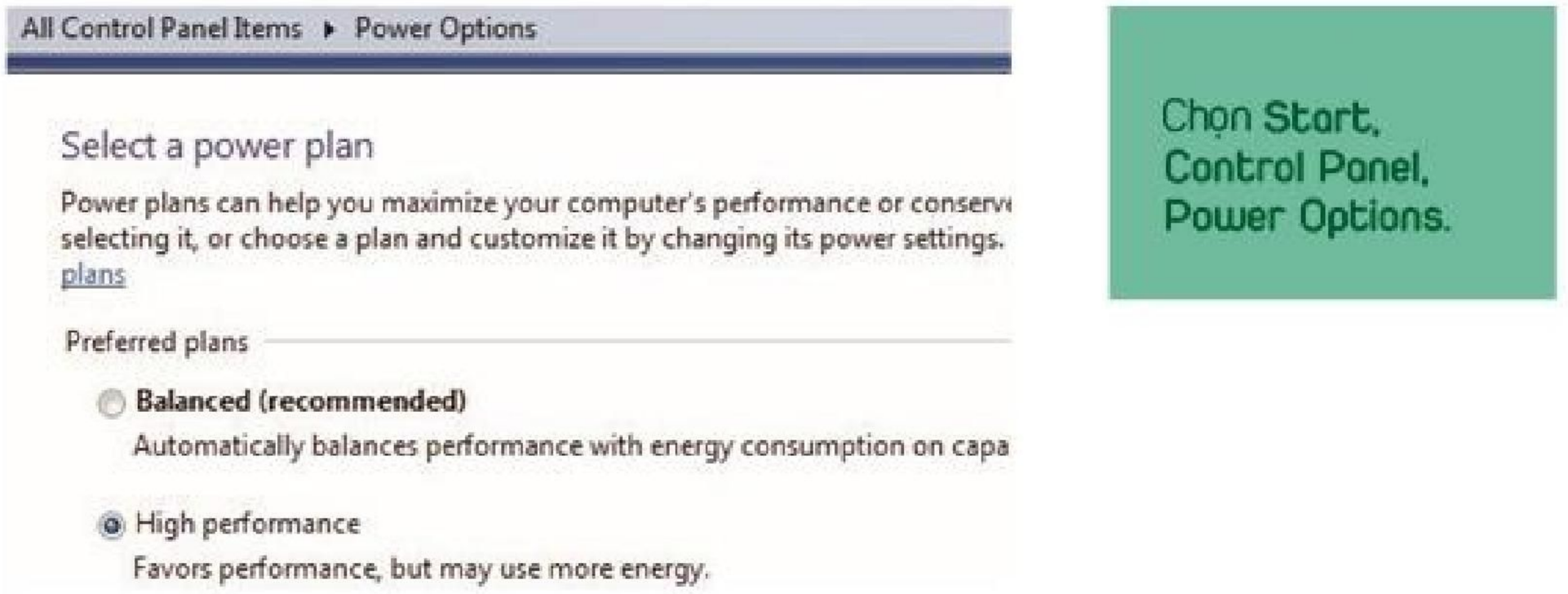


1. Nhấp chuột vào Start, Control Panel, Clock, Language and Region và sau đó nhấp chuột vào Date and Time hay Set the time and date, hoặc
2. Nhấp chuột vào Start, Control Panel và sau đó nhấp chuột vào Date and Time, hoặc
3. Nhấp chuột vào thời gian trong vùng thông báo và sau đó nhấp chuột vào Change date and time settings...

04 Tìm hiểu về các thiết lập liên quan đến cấp nguồn điện (Power Settings) cho máy tính xách tay

Khái niệm

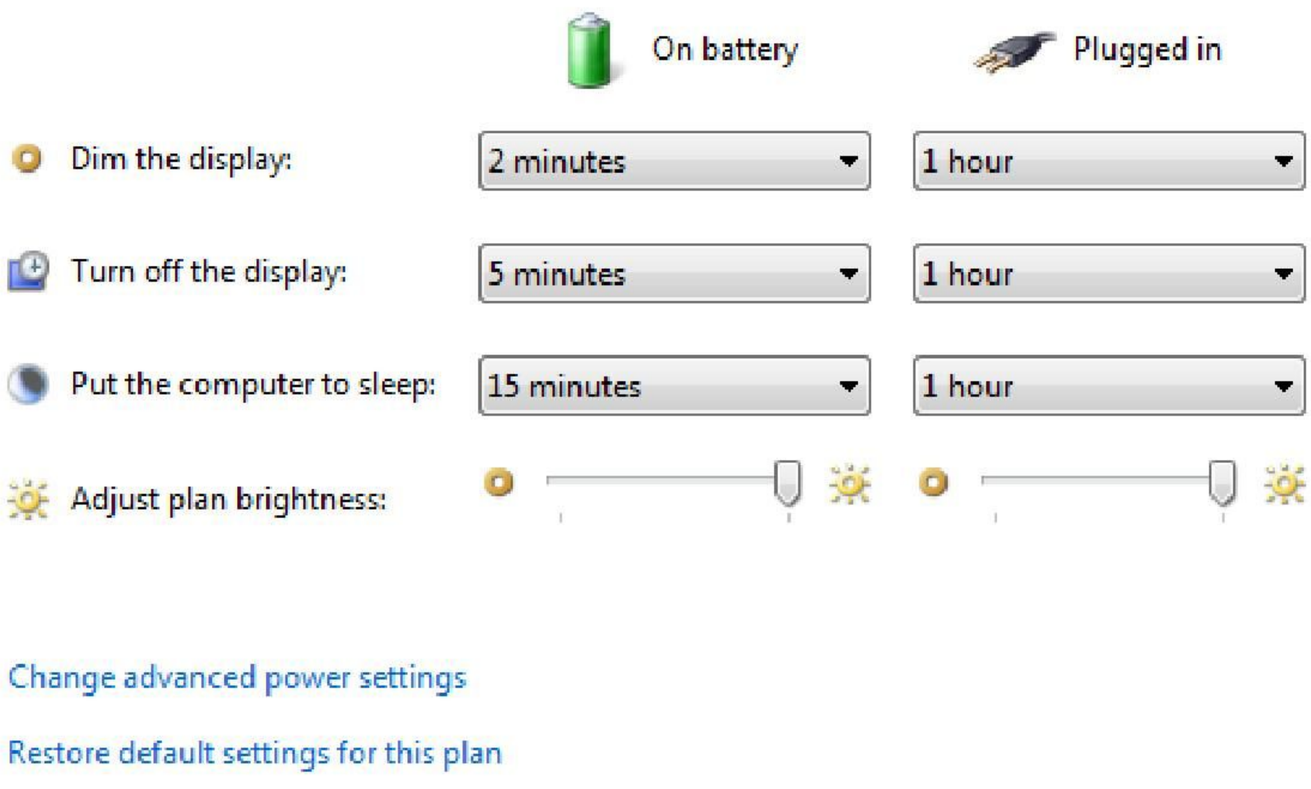
Hệ điều hành cho phép bạn lựa chọn lượng điện được dùng cho các công việc cụ thể.
Nghĩa là, bạn có thể thiết lập và áp dụng kế hoạch cấp nguồn để tự động tắt màn hình và đặt máy tính vào chế độ tạm nghỉ sau một khoảng thời gian.



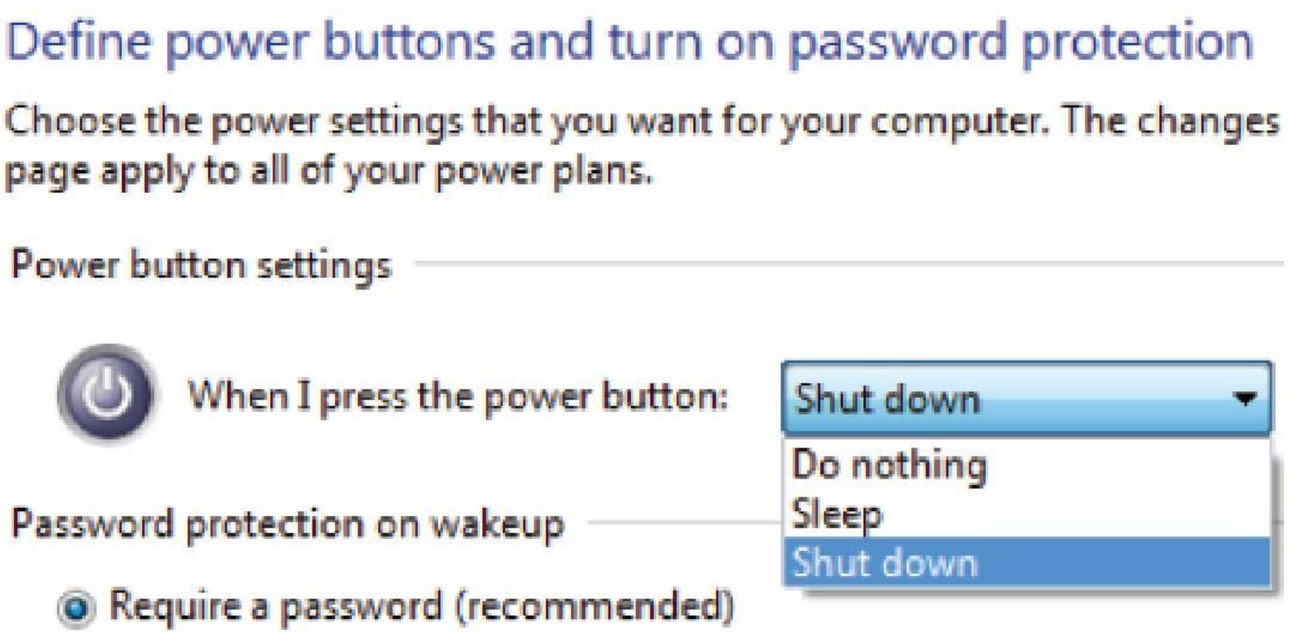
Chọn **Start**, **Control Panel**, **Power Options**.

Chú ý

Windows có nhiều kế hoạch cấp nguồn được xây dựng sẵn. Bạn có thể xem và thay đổi cài đặt của một kế hoạch cấp nguồn bằng cách chọn **Change plan setting** để mở cửa sổ **Edit plan settings**.

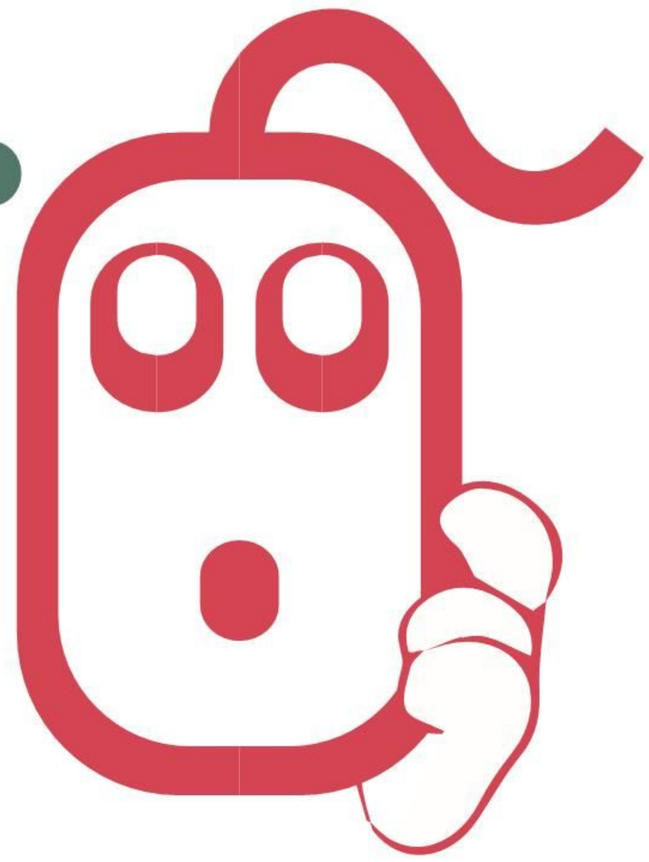


IC3 spark

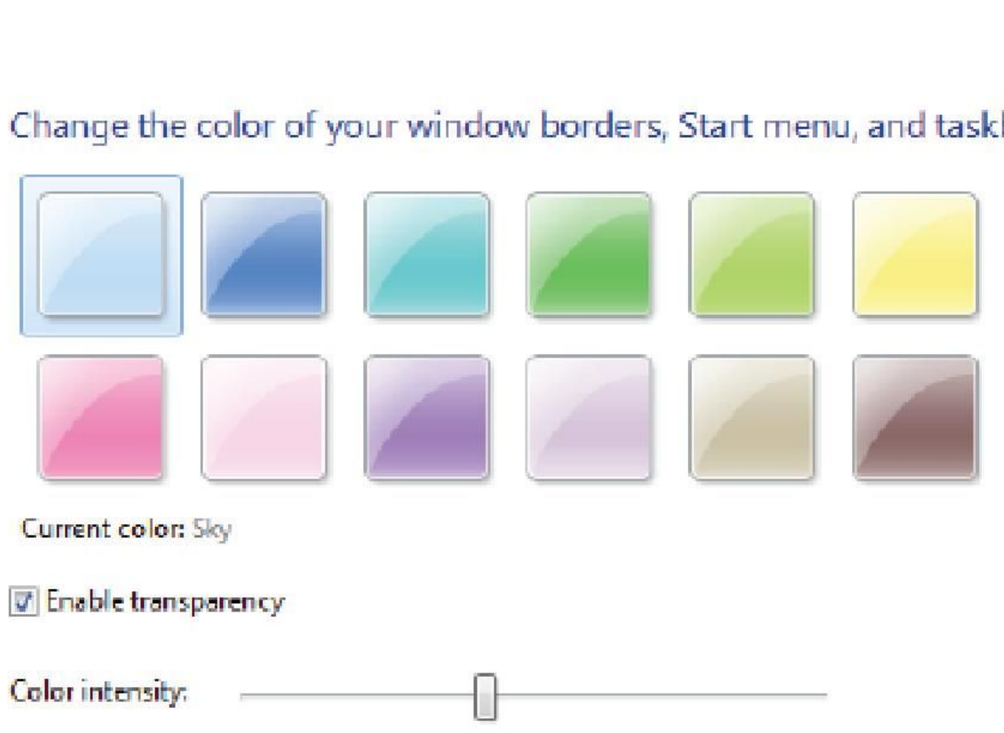


Lựa chọn Change what the power buttons hoặc Choose what closing the lid does từ khung bên trái của cửa sổ Power Options.

Điều gì xảy ra khi bạn đóng nắp máy tính xách tay?

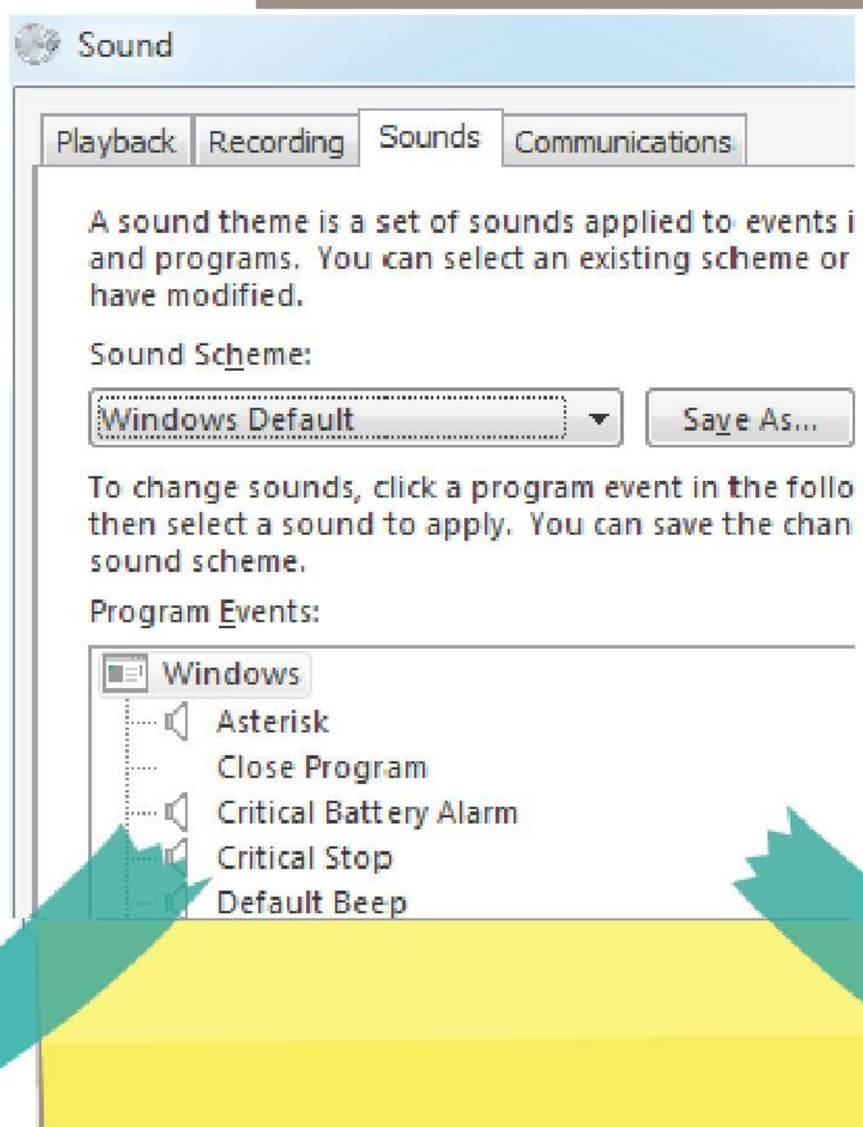


05 Một vài thiết lập khác

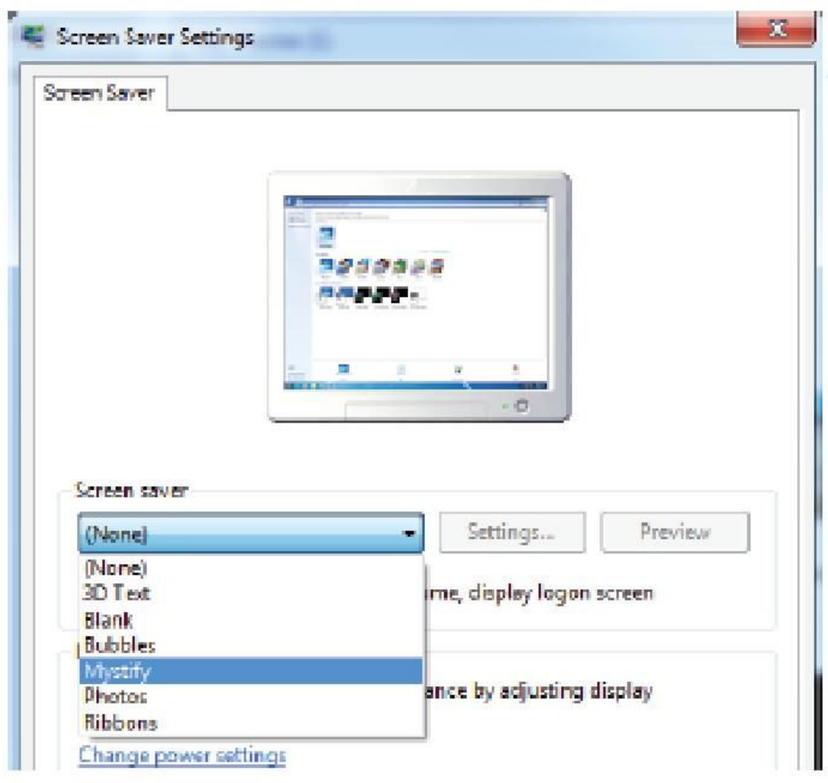


Sử dụng tùy chọn **Window Color** để chọn một màu cụ thể cho đường viền cửa sổ, trình đơn **Start** hoặc thanh tác vụ.

Bạn cũng có thể điều khiển cường độ màu sắc, điều khiển chức năng trong suốt của cửa sổ.



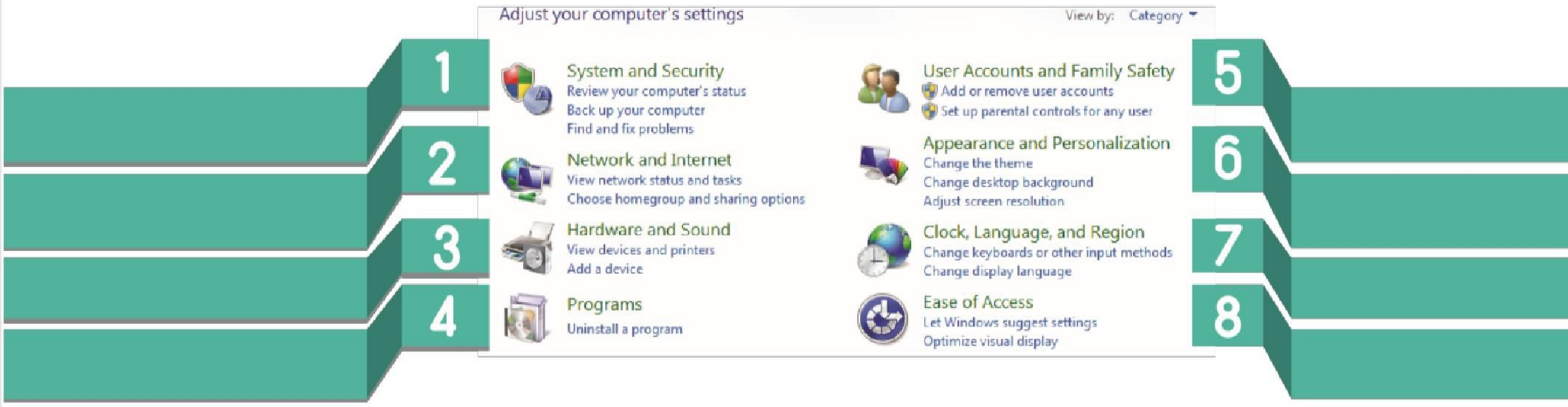
Sử dụng tùy chọn **Sounds** để áp dụng một nguyên tắc phối hợp âm thanh cụ thể cho chủ đề.



Sử dụng tùy chọn **Screen Saver** để chọn hoặc áp dụng chế độ bảo vệ màn hình.

Bài tập

1. Bạn hãy tìm và nối các mô tả chức năng tương ứng với các mục trong **Control Panel**.



A	Cho phép cài đặt hay điều chỉnh cách kết nối máy tính của bạn vào mạng.
B	Cho phép bạn tùy chỉnh màn hình với chế độ bảo vệ màn hình, nền màn hình,...
C	Cho phép truy cập để bạn có thể thay đổi định dạng của ngày tháng, thời gian, tiền tệ hay các con số hay các ngôn ngữ.
D	Cung cấp các lựa chọn để thiết lập máy tính cho phép nhiều người cùng sử dụng.
E	Cho phép tiếp cận các nhiệm vụ quản lý hệ thống ví dụ như cài đặt và gỡ bỏ các chương trình.
F	Cho phép bạn cài đặt hay điều chỉnh cách hoạt động của các phần cứng như các thiết bị âm thanh.
G	Cung cấp các lựa chọn để duy trì tính toàn vẹn hệ thống và thực hiện sao lưu dữ liệu, kiểm tra các cập nhật chống vi rút và quét các phần tải về.
H	Cung cấp các lựa chọn để thay đổi các đặc điểm về khả năng truy cập, ví dụ như bật chế độ nhận diện giọng nói hay thay đổi hình ảnh hiển thị.

2. Em sẽ sử dụng tùy chọn nào dưới dây để thay đổi khung nền trên màn hình Desktop?
   a. Screen Resolution.
   b. Personalize.
   c. Graphics Options.
3. Em hãy cho biết, cách nào nhanh nhất để thay đổi chủ đề của màn hình máy tính?
   a. Click chuột phải trên Desktop/Personalization.
   b. Click chuột phải trên Desktop/Next Desktop Background.
   c. Click chuột phải trên Desktop/Properties.
   d. Click chuột phải trên Desktop/View.
4. Em hãy cho biết tùy chọn nào sau đây là chức năng của Cửa sổ điều khiển (Control Panel) trong Windows?
   a. Cửa sổ điều khiển chứa các chương trình cho phép cài đặt các tham số hệ thống như phông chữ, máy in, ...
   b. Cửa sổ điều khiển chứa các chương trình cho phép quản lí các phần mềm ứng dụng.
   c. Cửa sổ điều khiển chứa các chương trình cho phép thay đổi các tham số của các thiết bị phần cứng như chuột, bàn phím, màn hình, ...
   d. Tất cả đều đúng.
5. Em hãy cho biết tùy chọn nào dưới đây trong Control Panel cho phép tạo mới một tài khoản người dùng?
   a. User Accounts.
   b. Accounts.
   c. Administrative Tools.
   d. Action Center.
6. Em hãy cho biết chức năng nào trong Control Panel cho phép xem phiên bản của hệ điều hành đang được cài đặt trên máy tính?
   a. System.
   b. Regional and Language.
   c. Windows Firewall.
   d. Network and Sharing Centre.
7. Em hãy cho biết có thể sử dụng Control Panel để thực hiện các việc nào sau đây? (chọn 2)
   a. Tạo tài khoản cho người dùng mới.
   b. Xem thuộc tính của tập tin và thư mục.

c. Thay đổi ngày giờ của hệ thống.
d. Khởi động Microsoft Paint.

8. Em hãy cho biết chức năng Programs and Features trong Control Panel được dùng để làm gì?
   a. Cập nhật bản vá lỗi từ Microsoft.
   b. Gỡ bỏ cài đặt một ứng dụng đã cài trước đó.
   c. Thêm bớt các tính năng của Windows.
   d. Chức năng Programs and Features có thể thực hiện được cả ba việc trên.
9. Em hãy cho biết chức năng nào trong Control Panel được sử dụng để thực hiện các thiết lập cập nhật?
   a. Administrative Tools.
   b. Windows Updates.
   c. Troubleshooting.
   d. Internet Options.

Bài tập thực hành

1. Em hãy thực hiện thao tác vào **Cửa sổ điều khiển** bằng cách sử dụng chuột vào **Start** → **Control Panel**.
2. Em hãy thực hiện thao tác vào **Cửa sổ điều khiển** bằng cách nhấn phím **Windows** và nhập **Control Panel** vào hộp **Search programs and files**.
3. Em hãy thực hiện thao tác vào **Cửa sổ điều khiển** bằng cách nhấn tổ hợp phím **Windows+R** và nhập **Control Panel** vào hộp **Open**.
4. Em hãy thực hiện thao tác vào **Cửa sổ điều khiển** và kiểm tra xem ngày của hệ thống có đúng là (UTC+07:00) Bangkok, Hanoi, Jakarta. Nếu chưa, em hãy điều chỉnh lại cho đúng.
5. Em hãy thực hiện thao tác vào **Cửa sổ điều khiển** và điều chỉnh lịch **(Calendar)** của hệ thống để có ngày **đầu tiên** trong tuần **(First day of week)** là **Monday**.

Luyện tập gõ bàn phím

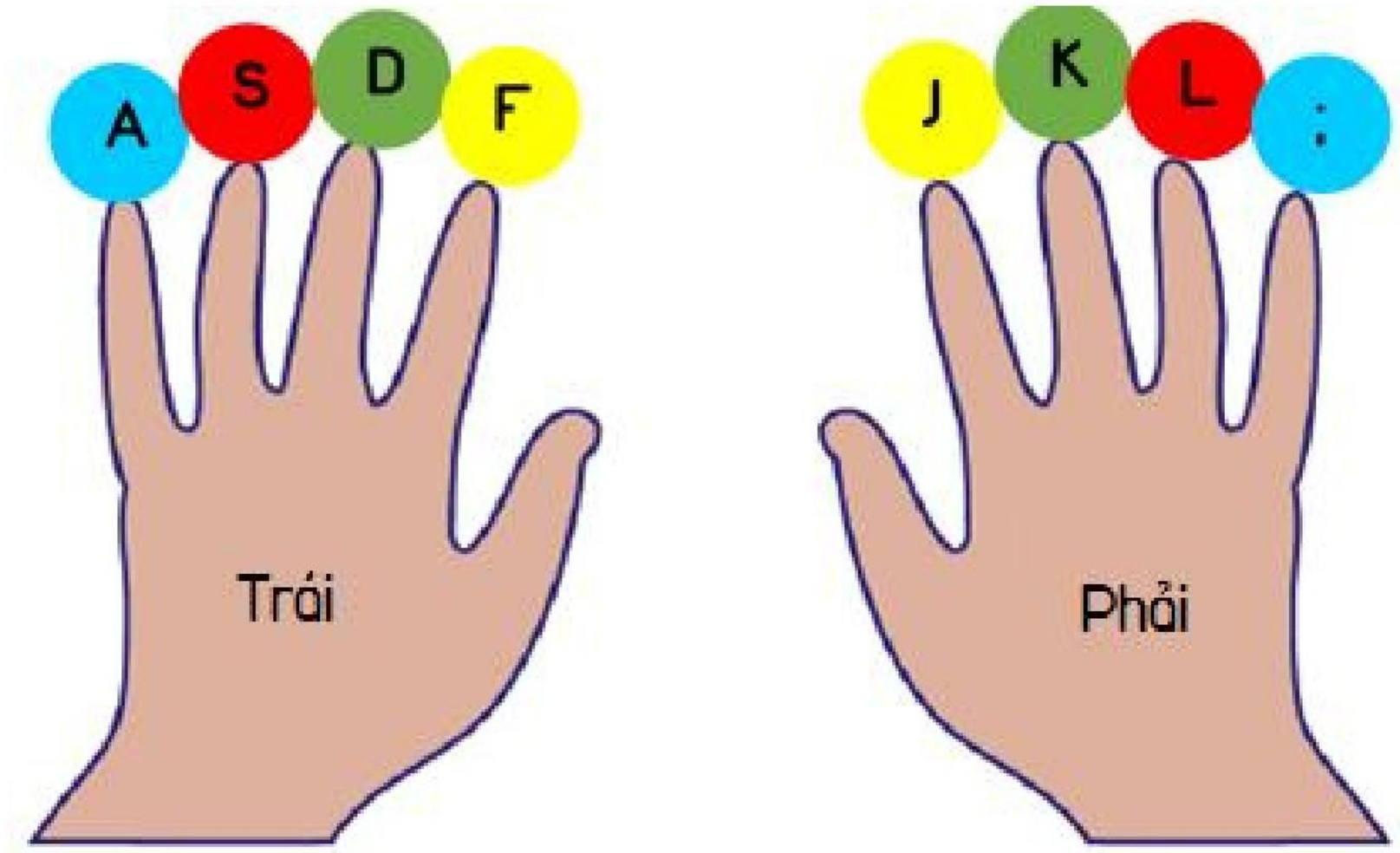
Bài 01 Home Keys

Qui ước:

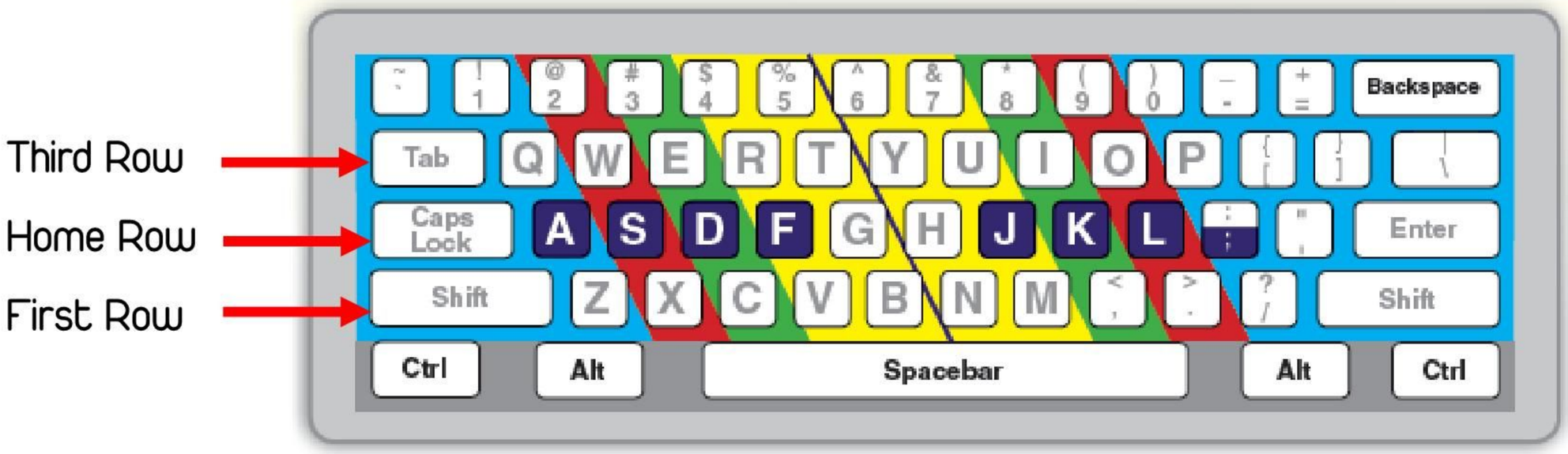
1. Các phím **Home Keys** là các phím:



2. Các ngón tay được đặt tên theo các phím **Home Keys** như hình vẽ:

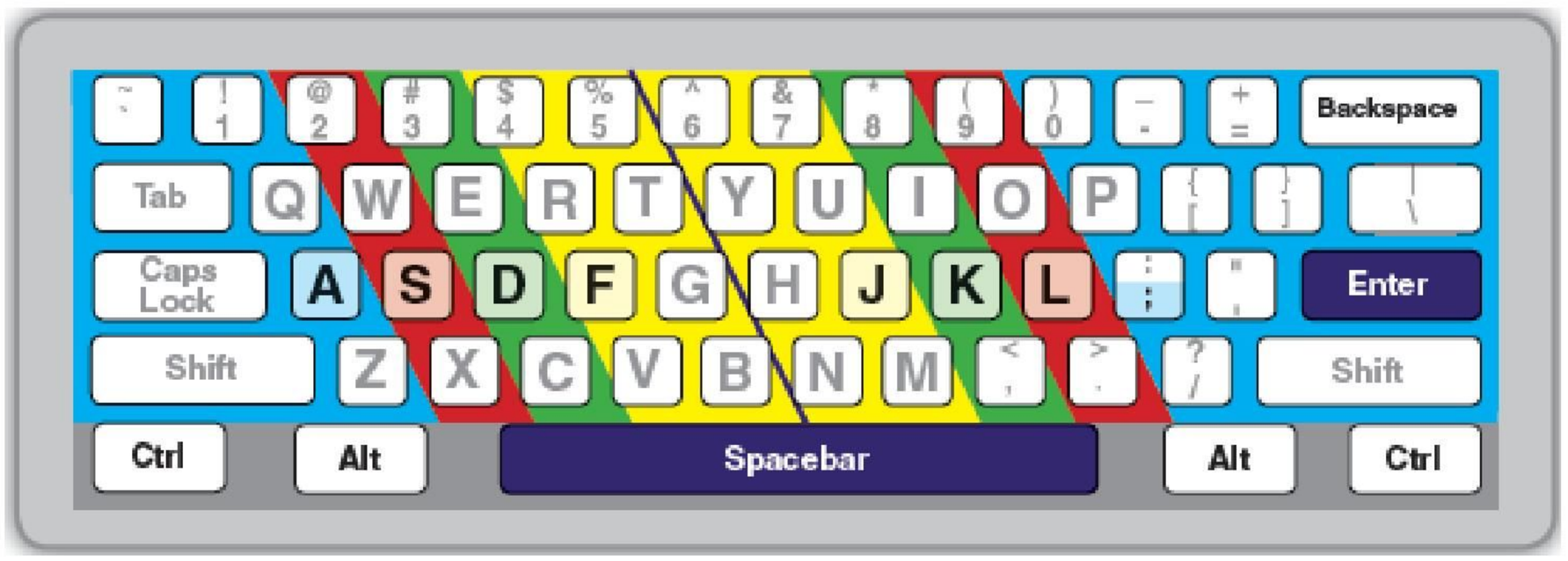


3. Hàng phím trên bàn phím chứa các **Home Keys** được gọi là **Home Row**; Hàng phía dưới **Home Row** được gọi là hàng **First Row** và hàng phía trên **Home Row** gọi là hàng **Third Row**:



4. Các phím được **tô màu xanh đậm** trên bàn phím là các **phím luyện tập**.

Thực hành phím Spacebar và phím Enter



1. **Dùng ngón tay cái cầm viết để gõ phím Spacebar**:

   Gõ các phím Home Keys, chèn một khoảng trắng (space) sau mỗi ký tự **Home Key** bằng cách nhấn phím **Spacebar**:

   a s d f j k l ;

2. **Dùng ngón ; để nhấn phím Enter**:

   Sử dụng các phím Home Keys, Spacebar và Enter để gõ các dòng văn bản sau:

   asdf jkl; asdf jkl; asdf jkl; Enter

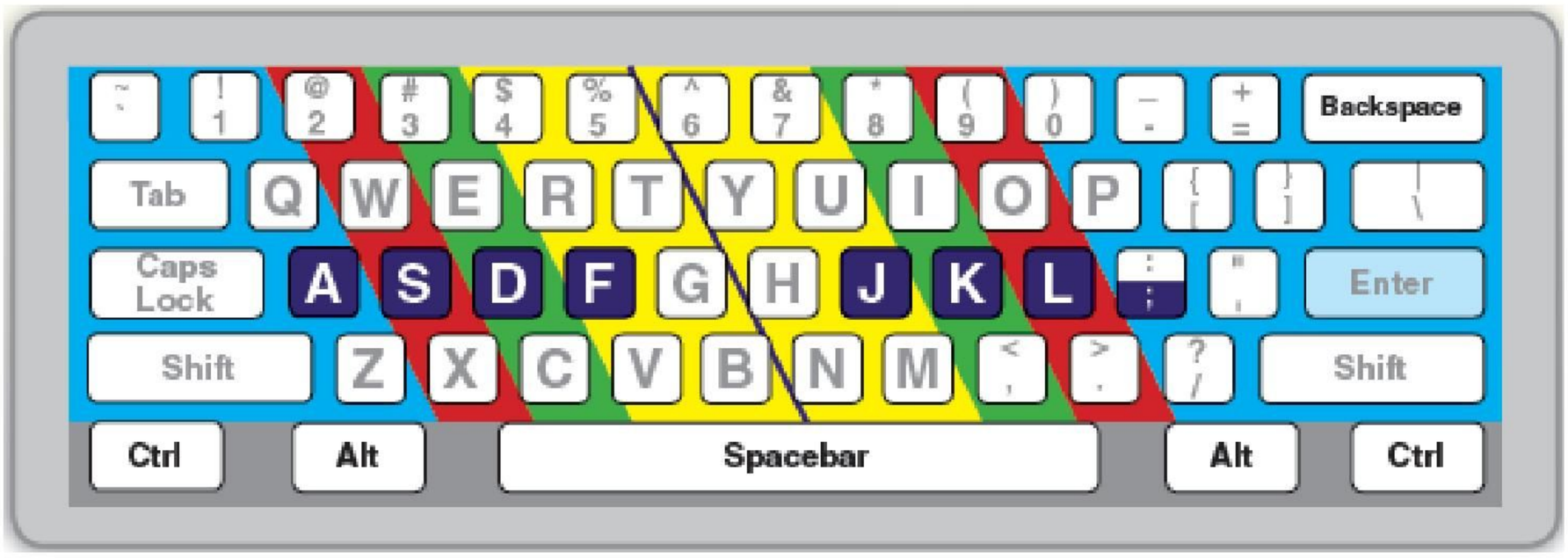
   ;lkj fdsa ;lkj fdsa ;lkj fdsa Enter

   fd jk sa l; fds jkl dsa kl; Enter

   dfsa l;kj ddss kkll ffaa ;;jj fjdk ls;a Enter

   adfs jlk; aj sk dl f; aaa jjj sd kl ldsk Enter

Bài 02 Ôn lại Home Keys



1. Bạn hãy gõ mỗi dòng 2 lần và mỗi cặp dòng cách nhau 2 dòng trống:

asdf jkl; asdf jkl; asdf jk l; as df jkl Enter

;lkj fdsa ;lkj fdsa a;sl dkfj fdjk sa l; Enter

fk dk sl a; fds jkl asd ;lkj k fd asf lj Enter

sdl fdk kls ad; jfd salk klas dsf; flks; Enter

2. Tập trung vào tay trái:

fdsa asdf ff dd ss aa fd sa ds af asf fd Enter

asdf df df sd sd as as fa af das fad saa Enter

fads df as dfaa ddfs fada dada fafa sasa Enter

3. Tập trung vào tay phải:

jkl; ;lkj jj kk ll ;; jk l; kl j; jk; jk Enter

jkl; l; l; kl kl jk jk ;j j; ;lk ;lk kjj Enter

jlkj l; jk jll lkjj kkjl klk jkkl; kllj; Enter

4. Tập trung cả hai tay **(Home Keys)**:

asdf jkl; fjdk l;sa fjk jfd dkl kds; all Enter

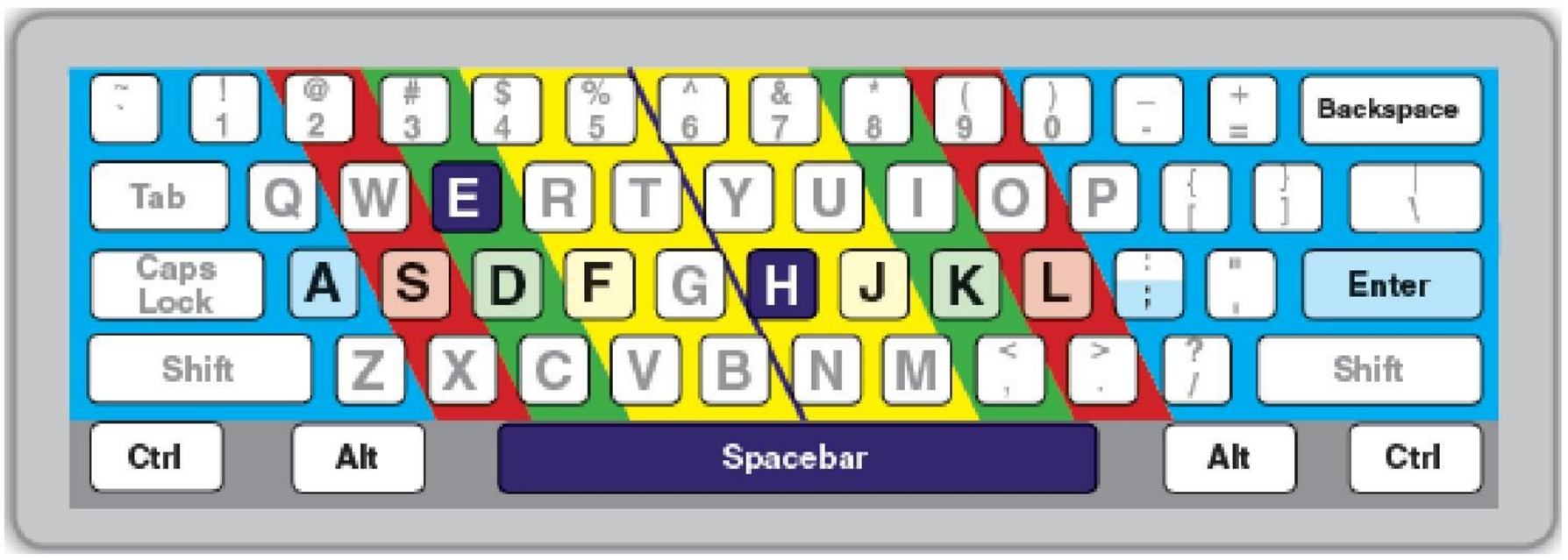
jk df dk jf sl a; fjd kds; akl kdsl dkll Enter

adkl dajk kads lfds; ljds jfds lks; jdlk Enter

as a dad; all lads; all fads; as a lass; Enter

lads; dads; as sad; lass; as all; a fad; Enter

Bài 03 Thao tác phím E và H



1. Bạn hãy sử dụng ngón D để nhấn phím E và sử dụng ngón J để nhấn phím H. Các ngón còn lại vẫn giữ nguyên vị trí trên **Home Row**.

2. Thực hành phím E:

d e d ddd eee de ede eed lee eel del eel

eee ddd lll eel led eee dell lee led lee

eee ddd elk elf sell eee ddd see lee fee

3. Thực hành phím H:

j h jjj hhh jh hj jhj hjh jjj hhh jj hhh

aaa hhh ash sss ash hh ss aa has sa sash

ha had aha has heel she hee half hah has

4. Thực hành phím E và H:

he he eh eh hhh eee she he eh she eh hee

hhh eee easel feed seed heed lead she he

jade desks head sake head lead seal jade

has heed; lad had; heel hale; seek sale;

Bài 04 Thao tác phím R và I



1. Bạn hãy sử dụng ngón F để nhấn phím R và sử dụng ngón K để nhấn phím I. Các ngón còn lại vẫn giữ nguyên vị trí trên **Home Row.**

2. Thực hành phím R:

fff frf frf fff rfr rfrf fff rrr fff rrr

ra are far raf dare reef fear free freed

red jar lard reel dark darker hares rare

3. Thực hành phím I:

k kk iii kik kkk ikki iki kk ii kkk kiki

ii ll jj kij sill jik ilk fill dill kids

if is silk kid hid kill ilk kiss hi hide

4. Thực hành phím R và I:

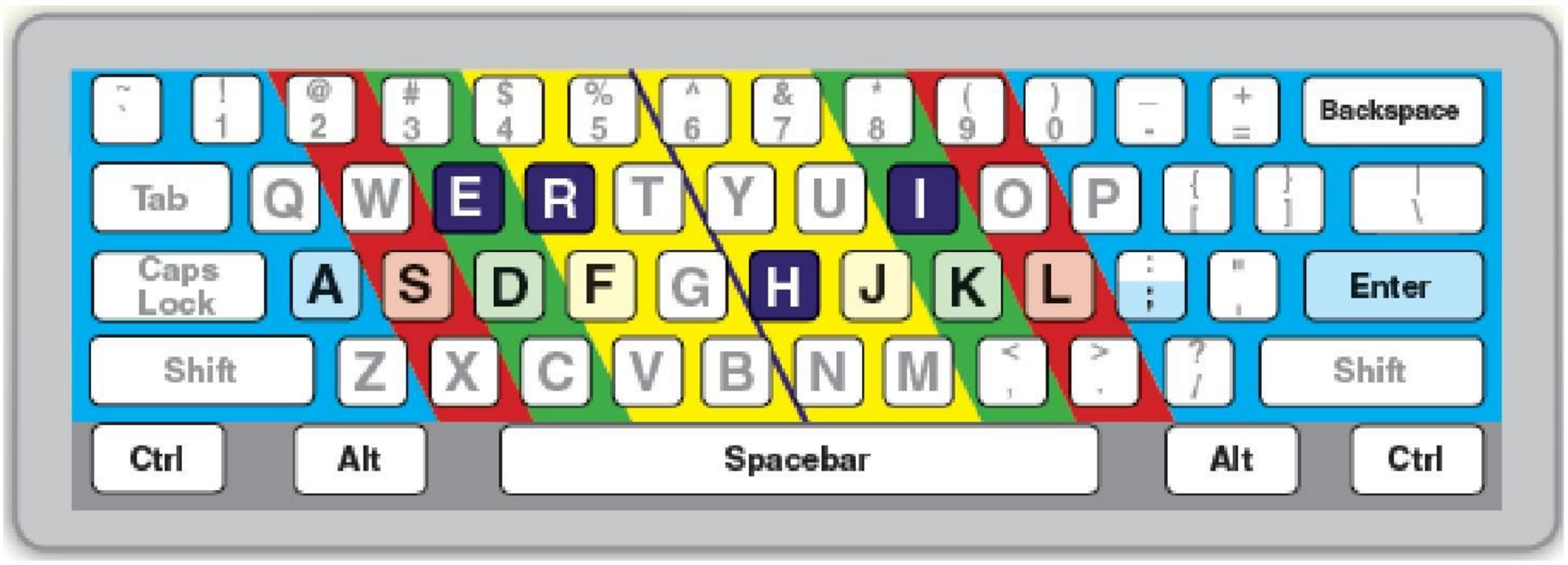
ri ire ride sir rife fire dire sire rise

if ride hire hare hers rides fries dries

lair fair hair raid rid dill drill frill

riff sheared shire sear fire liars fried

Bài 05 Ôn tập gõ các phím E H R và I



1. Mỗi dòng bạn hãy gõ 2 lần và các mỗi cặp dòng cách nhau 2 dòng trống:

all ale ad else sled sell sale lass less

sheer shear share ail air rile lair fair

hash flea his head lead lease deals dash

here hares hire hair jars jeer rear dear

2. Thực hành phím E và H :

ddd dde ded dde eed ed deeds sea eel see

hhh hjh jhj jjj jjh hh ja had he has she

had shed he she jade lake head ease heed

deed heed seed heal seal fed easel lease

3. Thực hành phím R và phím I :

rrr ffr frf rfr re are red her fair here

iii iki kik kki if ire dire kid lie like

rise iris frail rail err dear dire fires

sire fire liar lair rail hail jail riser

4. Thực hành các phím E H R và I :

heir hare hair heard hire here rare rear

lairs said share shire red her idea dare

jeers; sir fir hear; fare hare hair lair

sear shared; liars rails hired fired ire

hailed fresher fished rides herds shades

Tài liệu tham khảo

http://wps.prenhall.com/wps/media/objects/11463/11738516/CIT_AppB_for-website.pdf.
Keyboarding Essentials.